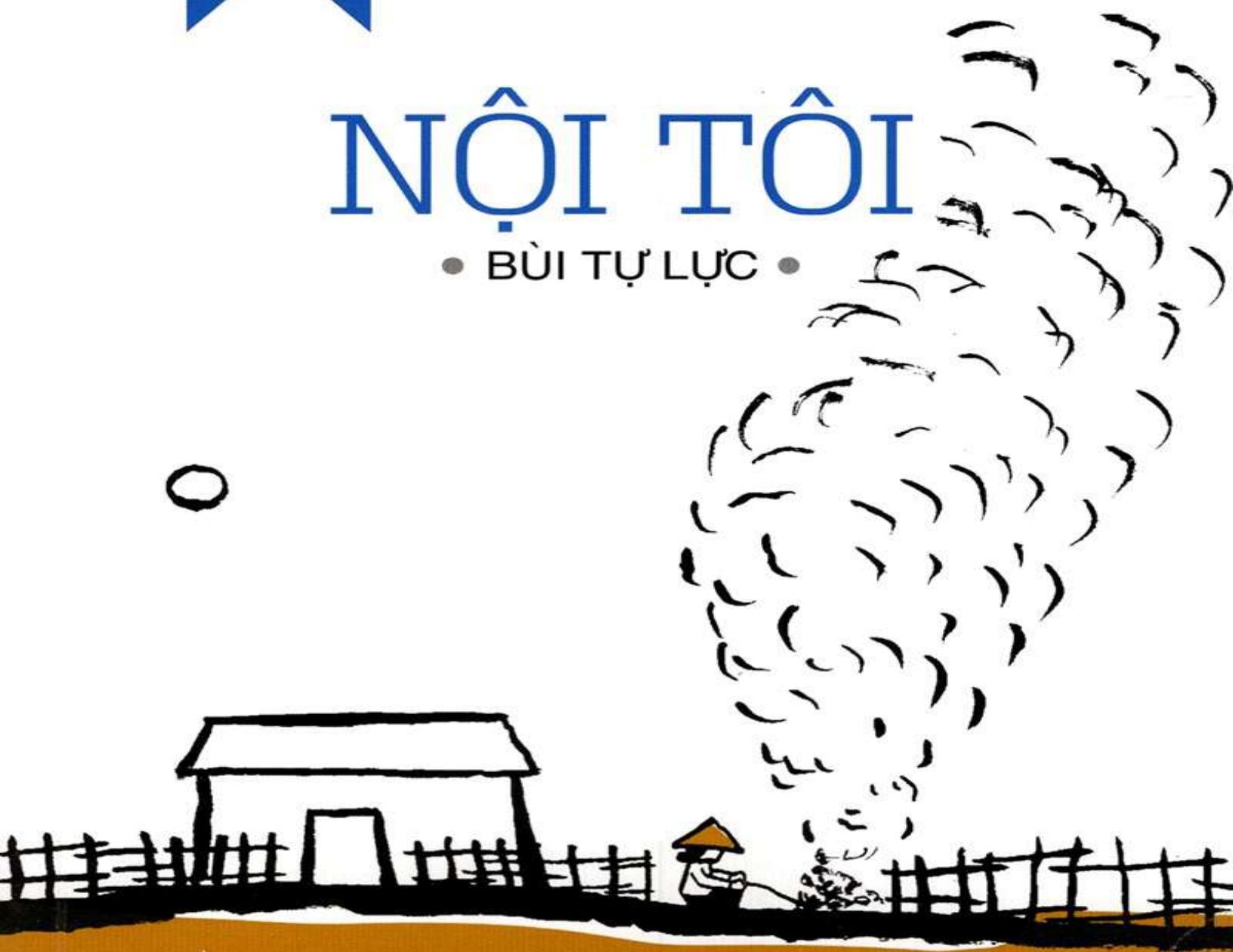


**TÁC PHẨM
ĐƯỢC
GIẢI THƯỞNG
VĂN ĐỘNG
SÁNG TÁC**

NỘI TÔI

• BÙI TỰ LỰC •



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

NỘI TÔI

Tác giả: **BÙI TỰ LỰC**

Thể loại: Truyện thiếu nhi

Nhà Xuất Bản Kim Đồng, 2001

“Với Nội Tôi, tác phẩm gồm nhiều truyện ngắn liên hoàn gắn bó hữu cơ gộp lại thành một truyện dài hoàn thiện của Bùi Tự Lực. Chiến tranh, cách mạng với bao hiểm nguy, gian khổ là môi trường sống hàng ngày gần như tự nhiên của hai bà cháu nọ. Cũng gần như tự nhiên, bà nội sống trọn vẹn một cuộc đời vừa bình thường giản dị vừa anh hùng cao cả đã trở thành người dẫn dắt từng bước đi cho con cháu, một nguồn sống tinh thần vĩnh cửu, một kỉ niệm bất diệt của tuổi thơ...” - Nhà văn **Ma Văn Kháng**

*Kính viển hương hồn nội
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Đĩnh*

1. MẸ SANG NGANG

Đời tôi có một thua thiệt lớn trong tình cảnh gia đình, tuổi thơ lớn lên không được sống gần mẹ. Nhưng bù lại, tôi có được sự chăm sóc và cưng chiều của bà nội từ thuở nhỏ.

Đến năm mười hai tuổi, tôi cũng chỉ biết được đại khái rằng, ba tôi bị địch bắt lưu đày, mẹ tôi ở nhà vì một lý do nào đó, nên đi lấy chồng khác ở làng bên khi tôi mới tròn bốn tuổi. Lớn lên, tôi chỉ nhớ lơ mơ về những kỷ niệm tuổi thơ với mẹ.

Nghe kể lại, mẹ tôi lúc ấy là một phụ nữ có nhan sắc, quanh năm buôn bán tảo tần. Hằng ngày, mẹ dậy từ mờ sáng, lo nhổ giá sấm sữa gánh xuống chợ Vinh Huy bán, chiều về quẩy một gánh gôm mắm, muối, dưa cà...bán dạo quanh xóm. Chắc vì hoàn cảnh như thế, nên lúc nhỏ, trời phú cho tôi là đứa bé dễ nuôi, hay ăn chóng lớn, lúc đói thì giọt sữa bú nhờ, sắn khoai tán nhỏ đều ăn được hết; ai bế cũng theo, bế đi đâu cũng được.

Ký ức tuổi thơ của tôi còn nhớ mang máng một ngày cuối năm 1959, mẹ không đi chợ, trong nhà có vài người hàng xóm đến giúp đỡ dọn dẹp, nấu nướng. Tôi đoán chắc là có đám giỗ kỵ gì đó vào ngày mai. Tối hôm ấy, mẹ dẫn tôi sang ngồi nói chuyện với bà nội rất lâu. Mẹ vừa nói vừa khóc. Đêm về mẹ ôm tôi khóc hoài. Một câu hát ru vô thức đã nhập vào trong tôi ngay từ dạo ấy: *“Có cha có mẹ thì hơn, không cha không mẹ như đèn đứt dây.”*

Sáng hôm sau, bà nội sang đón tôi sớm. Mẹ trao vội cho bà một cái bọc lớn (chắc là áo quần của tôi) và nói trong tiếng nước nớc:

- Con gửi nó cho mẹ - Mẹ ôm chầm lấy tôi - Từ nay con ở với bà nội - Vừa dứt câu nói, mẹ buông tay chạy vụt vào buồng.

Bà nội dắt tôi về nhà, rồi hai bà cháu ra luôn ngoài ao rau muống ở giữa đống. Được ra ao vừa nghịch vừa tát nước với bà là tôi thích lắm.

Khoảng nửa buổi, tôi thấy có đoàn người đi qua, toàn là người quen ở xóm bên, khăn áo chỉnh tề hướng vào ngõ nhà tôi. Thấy tôi mãi nhìn theo, bà nội bảo nhỏ:

- Đám cưới của mẹ con đó, mẹ con đi lấy chồng khác, từ nay con ở với bà.

Một sự kiện rất quan trọng đối với đời tôi như vậy, nhưng vì còn quá thơ ngây, nên tôi nhận thức mơ hồ và đón nhận một cách vô tư như nghe tin mẹ đi chợ vắng nhà.

Mẹ đi lấy chồng ở xóm bên, hay gửi quà bánh về cho tôi. Tôi lần lần lớn lên bên bà nội, nghe mọi người nói rằng bà nội rất ghét mẹ. Mẹ sợ bà, nên chỉ dám ghé thăm tôi khi bà đi vắng. Tôi nhớ có mấy lần mẹ đang ngồi chơi với tôi, khi thoáng thấy bóng bà ngoài ngõ là mẹ trốn đi cửa sau. Với nhận thức còn non nớt của tuổi thơ, tôi chỉ nghĩ một lẽ rất giản đơn là, tại mẹ bỏ tôi lại cho bà nuôi, để đi theo người khác, nên bà không ưa.

Mỗi năm tôi thêm một tuổi. Những ý nghĩ nông cạn của tuổi thơ cứ thế lớn dần lên thành nỗi xót xa như kim châm khi nghĩ cảnh tự dưng mất mẹ; khoảng trống trong lòng sẽ cứ thế nở rộng mãi, nếu không có cái đêm đáng nhớ trước khi tôi thực sự dấn bước vào đời.

Đêm cuối cùng trước khi tiễn tôi đi Giao bưu, bà nội căn dặn tôi nhiều đi đâu; trong đó có một chuyện rất hệ trọng. Hôm ấy, tôi mê man trong giọng kể sâu lắng của bà:

- Còn một chuyện này nữa, con phải ghi nhớ để mà sống cho trọn đạo làm người. Sau này lớn lên con sẽ hiểu thêm, phải thương và hiếu thảo với mẹ - Bà im lặng hồi lâu như để lục tìm trong trí nhớ - Vào quảng đầu thu 1954, cái đêm mẹ con chuyển dạ, ba con chỉ dám về đến bìa rừng ngồi chờ đợi, khi nghe con cất tiếng khóc đầu tiên là đi biệt luôn, sau đó sa vào tay giặc, bị lưu đầy đi khắp các nhà lao, có thời gian bắt tin. M m mưu “Tổ Cộng” và “Diệt Cộng” của chính quyền Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ thâm hiểm lắm. Gia đình mình bị bọn chúng liệt vào loại “Gia đình Cộng sản”.

Bà và mẹ con ở nhà bị chúng nó hành hạ đủ đi đâu; con còn nhỏ phải bế đi hết trại cải huấn này đến trại cải huấn khác- Tôi ng ấ lắng nghe như nuốt từng lờ i- Mẹ con lúc ấy còn rất trẻ, mới ngoài tuổi hai mươi, lại đẹp người. Bọn đại diện, ấp trưởng, bí thư Quốc dân đảng... la hét suốt ngày đêm trong nhà, buộc mẹ con phải “ly khai gia đình Cộng sản” để làm vợ lẽ chúng nó. Nếu không chịu “ly khai”, thì chúng nó sẽ tìm cách bóp chết giọt máu ba con để lại. Có một hôm, mới vừa sập tối, tên địa chủ chánh đại diện lèn vào núp chờ sẵn trong buồng; mẹ vừa bế con từ bên bà về, nó xô đến trấn áp, giành giật; may mà có bà đến giải cứu kịp thời, nếu không thì những gì t ấ tệ nhất đã phải đến vào đêm hôm ấy - Bà nội ngừng lời, nhìn tôi chăm chú như vẫn còn ngỡ ngàng; bà thở dài r ấ kể tiếp - Nghĩ mà cơ cực cho cái cảnh cứ đêm đêm, bà, bác Cả, bác Năm phải thay nhau thức canh chừng. Tình thế gia đình ta lúc ấy éo le lắm! - Ly khai để giữ lấy sự sống cho mai sau, hay một dạ trung thành để có được chữ kiên trinh, hoặc sống chết một phen oán thù với chúng nó. Mẹ con phải định đoạt và lựa chọn. Để tránh chịu tiếng “ly khai Cộng sản” lấy Việt gian và giữ được con, không còn cách nào khác, bà và các bác đành lòng chấp nhận phải bỏ rơi một con người, để giữ lại truyền thống và dòng giống gia đình Cách mạng. Và mẹ con chỉ còn chọn con đường nhận lời lấy một người ở làng bên, để tránh sự nhòm ngó của bọn chúng - Kể đến đây, giọng bà trầm hẳn xuống - Bà coi như từ bỏ mẹ con, vì không thể chịu tiếng gả bán dâu, còn mọi tiếng thị phi thì mẹ con phải gánh chịu hết một kiếp người.

Câu chuyện về mẹ mà bà nội kể đêm hôm ấy, đã giải thoát cho tôi nhiều khuất tất trong lòng bấy lâu. Tôi hiểu rõ hơn bà và mẹ, ơn nghĩa cao vời; càng thấu hiểu lời “Ru con” của ba tôi gửi lại: *“Nín đi đừng khóc con ơi! lắng tai nghe mẹ truyền lời ba ru...Con lớn lên ơn với bà, nghĩa với mẹ muôn đời nhớ ghi, ba nguyện giữ dạ tri tri, thương con nhớ mẹ ba đi một đường, vì nhân dân một tình thương, có gian lao khó nhọc mới có con đường vinh quang.”*

Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, bà nội tôi không còn nữa! Mẹ tôi đến bây giờ mới ngoài tuổi sáu mươi, nhưng trông bà già hơn trước tuổi rất nhiều. Chắc gì tất cả mọi người đã thông cảm và tha thứ hết cho mẹ tôi. Câu chuyện này lưu truyền trong dòng họ và kể suốt các đời con cháu của tôi.

2. ĐÊM NÁO ĐỘNG

Năm lên mười tuổi, tôi vẫn chưa được nhìn kỹ khuôn mặt ba tôi. Những lần theo bà nội thăm nuôi ở nhà lao Hội An, chỉ được đứng nhìn qua một lỗ trống bằng cái khu chén trên cánh cửa sắt; mà phải đứng xếp hàng cách xa cả trăm mét; lần gần nhất là ở nhà lao Quảng Tín, cha con được gặp mặt chừng năm phút, nhưng dưới sự giám sát của bọn đề lao.

Vào tháng mười một năm 1963, nghe mọi người ồn ào bảo nhau có đảo chính; tôi nhận thấy bà nội có đi đâu chi lo lắng khác thường. Tôi hỏi bà, bà nói rằng tên độc tài Ngô Đình Diệm bị lật đổ, tướng Dương Văn Minh lên nắm chính quyền “Việt nam cộng hòa” của Mỹ-Ngụy, tuyên bố trung lập và phóng thích một số tù Chính trị, trong số đó cầu mong sao có cả ba tôi.

Bà nội thở dài lo lắng, miệng lẩm nhẩm như nói với chính mình:

- Nếu được phóng thích, thì liệu không biết có về được đến nhà hay không!

Nghe bà nội nói thế, tôi cảm thấy vừa lo, vừa mừng và hẫ hẫ chờ đợi.

Một buổi trưa đi chơi về, tôi rất ngạc nhiên thấy ở nhà tụ tập đông người như có đám hội; ngoài ngõ có mấy tên lính nghĩa quân mang súng đứng phì phèo thuốc lá, lại có cả một người mặc đồ xa vin đeo kính đen.

Tôi vừa vào đến sân, cô Bảy chạy ào ra túm tay kéo vào nhà, vừa đi cô vừa nói:

- Ba con được phóng thích về rồi kìa, mau vào nhìn ba đi!

Tôi vừa bước vào cửa, tiếng nói cười tự dưng lắng xuống. Tôi xuất hiện như một nhân vật quan trọng, tất cả yên lặng nhìn; hình như ánh mắt mọi người đang dò xét, so sánh và họ chờ đợi một điều gì. Trong nhà đông

người, chủ yếu là bà con lối xóm. Ng ỡ quay tròn trên bức phẳng giữa nhà có mấy người lạ hoắc và mấy tên đại diện hội đ ồng.

Chỉ cần nhìn lướt qua, tôi đã nhận ngay ra ai là ba tôi - Người ng ỡ quay ra, vóc dáng xanh g ầy, tóc hớt cao, mặc chiếc áo sơ mi mới, đôi mắt nhìn tôi sáng trưng như có nắng. Có ai đó thì thào “Chà, trông nó giống cha như đúc”. Tôi muốn gọi tiếng “Ba”, nhưng cứ nghèn nghẹn trong cổ không gọi được.

Cô Bảy đứng sau nhắc khẽ:

- Đến với ba đi con!

Cô dắt tay tôi đi vòng phía sau, ba tôi đưa tay đón, bế tôi ng ỡ vào lòng, hai cha con cùng khóc; chung quanh có những tiếng thút thút khóc theo. Ba tôi lần túi áo ngực lấy ra đeo vào tay tôi chiếc nhẫn xương màu trắng ngà, trên mặt nhẫn có khắc hai chữ “TL”.

Càng về tối, bà con làng xóm đến thăm càng đông, chủ yếu họ hỏi thăm ba tôi chuyện những tháng năm sống trong tù ngục, những ai cùng quê được phóng thích trong đợt này...

Về khuya, khách vắng dần. Những người khách cuối cùng ra về là mấy tên đại diện hội đ ồng và bọn nghĩa quân. Trước khi ra về chúng nó còn dặn lại rằng trong vòng ngày mai, ba tôi phải đi trình diện ở xã và dưới quận lỵ.

Khi chỉ còn lại bà con trong nhà, bà nội phân công việc cho từng người:

- Con Hai, con Bảy giúp mẹ cà đậu, vút gạo gói bánh, thức đốt lửa chong đèn suốt đêm; thằng Năm dẫn thằng Sáu (Ba tôi) lánh tạm vô Hóc-Tây, sáng mai tỏ mặt người mới được về nhà.

Sau gần mười năm lặn lội tù ngục, đêm đầu tiên được tự do ở nhà, ba tôi phải tìm nơi lánh nạn.

Sáng sớm hôm sau, bọn hội đ ồng cùng lính nghĩa quân đến đưa ba tôi đi trình diện. Bà nội bảo bác Năm thuê xe th ồ đi theo ngay; gọi cô Bảy ra dặn

dò việc gì đó, nghe xong cô vác đòn xóc vào Phái Nam cắt tranh. Cả buổi sáng bà nội vào ra lo lắng như có lửa đốt. Tôi cảm thấy hình như có nhiều nguy hiểm đang chờ đợi, sẵn sàng đổ ập xuống đè bẹp ba tôi. Gần trưa, bà nội chống gậy ra hội đồng xã ngồi chờ.

Tâm đứng bóng, ba tôi đi trình diện trở về. Cả buổi chiều bà con ở xa về thăm. Cơm nước chuyện trò kéo dài đến tận khuya. Đêm ấy bà nội rủ thêm mấy chú ở trung đội dân vệ quanh làng ngủ lại với ba tôi cho vui.

Đang ngủ, tôi bị dựng dậy bởi một tiếng nổ long trời. Choàng dậy trong u u mê mê, tôi nghe những tiếng la thất thanh của bà nội và cô Bảy: “Bớ làng... bớ xã... Lính quốc gia vây bắt mất thằng Tây rồ...!”. Tiếp theo lại một tiếng nổ văng óc nữa cùng với những loạt súng kéo dài. Cùng lúc đồng loạt nổi dậy tiếng trống, tiếng mõ, thanh la, thùng thiếc náo động cả một vùng, lúc thưa lúc nhật kéo dài cho đến gần sáng.

Mới sáng sớm, bọn nguây quây xã cùng lính nghĩa quân và dân vệ vác súng ống kéo tới bao vây, khám xét, lục lọi khắp nhà, đào bới khắp vườn, nhưng chỉ tìm được một số vỏ đạn nhãn hiệu Mỹ, vô số những dấu dày đinh cũng của Mỹ và hai cái hồ trái nổ khét lẹt trước ruộng. Kỳ lạ nhất là vớt được bác Năm từ dưới giếng lên, trông bác như con mèo ướt, ngẩng lên lập cập. Cảnh ban mai xao xác. Cô Bảy ôm tôi khóc lóc thảm thiết. Bà nội a tới túm áo mấy tên hội đồng la lối, chửi bới vang trời rằng đang đêm bọn nó đồng loã với cả trung đội lính quốc gia dám chống lệnh tướng Dương Văn Minh, lập mưu bắt ba tôi để thủ tiêu.

Nghe ồn ào, bà con quanh xóm đổ đến mỗi lúc một đông như một đám biểu tình. Bọn chúng tự giải thoát ra về bằng một cái biên bản với những chữ ký nhè nhằng và những cái quệt tay bằng lọ mực đen nhem của những người có mặt làm chứng.

Hai ngày sau, bà nội đọc cho tôi viết một lá đơn gửi quận trưởng Thăng Bình và tỉnh trưởng Quảng Tín với nội dung nói rằng: Tổng thống Dương Văn Minh ký lệnh phóng thích ba tôi; ba tôi về tới nhà, ngày đầu tiên được hội đồng xã Bình Trị, lính tráng địa phương đi kèm và làm xong thủ tục trình diện; tối hôm sau ngủ tại nhà cùng với mấy lính dân vệ. Nhưng ngay

trong đêm hôm ấy, lính quốc gia lập mưu ập vào nhà, nổ súng bắt ba tôi giải đi; đề nghị chính quyền quốc gia trả lại tự do cho ba tôi.

Sau khi gửi lá đơn, cứ vài ba ngày, bà nội lại ra gặp bọn hội đồng xã hạch sách, lý sự với chúng nó; khi nổi xung, bà chỉ mặt mũi từng thằng là quân vô tích sự, làm bù nhìn hại dân, để đến nông nổi bà phải mất con, mất cháu. Lúc đầu còn bán tín, bán nghi, nhưng sau đó bọn địch cũng biết được rằng đã bị bà nội đánh lừa trong việc giải thoát cho ba tôi. Chúng nó rất tức tối nhưng không thể làm gì được.

Mãi sau này, tôi mới biết được rằng, âm mưu của bọn địch là phóng thích tù chính trị ra khỏi lao, rồi tìm cách thủ tiêu ngay. Được sự che chở của cơ sở Cách mạng, ba tôi định ghé qua thăm nhà trước khi về căn cứ. Khi ba tôi vừa về nhà là bọn chúng bám theo sát nách, tìm cách ám hại, nhưng chưa thực hiện được. Và cái đêm náo động hôm ấy là một vở kịch được dàn dựng trước. Thực chất là Cách mạng về đưa ba tôi lên căn cứ; còn tiếng tăm để lại, là bọn tề ngụy rắp tâm phản trắc để bắt ba tôi.

3. VÓT CHÔNG GIỮA VÙNG TẠM CHIẾM

Tôi nghe những ông bà cùng thời với bà nội kể lại rằng: Ngày xưa, bà là người con gái họ Lê đẹp nhất xứ Đông Tiễn; ca hát đối đáp nổi tiếng khắp vùng; bao nhiêu chàng trai đã phải ngã ngựa trước những câu hát xiêu đình của bà. Vì vậy mà bà gặp được ông nội, lúc ấy là một pháp sư trẻ, xênh xang áo ngựa và có điếu đóm theo hầu. Không may gia đình gặp tai biến bất ngờ, ông nội mất sớm, năm ấy bà chưa đến tuổi ba mươi. Một mình bà chống chèo cùng bác Cả, nuôi bảy người con trưởng thành nên gia thất và tất cả đều quyết chí đi theo Cách mạng.

Bà nội vốn là người sống rất hào phóng, tất cả ruộng đất bà giao cho người trong làng làm rẫy hết. Mang tiếng là ăn chia hoa lợi theo tỷ lệ nhì / bát (Chủ ruộng hai phần, tám phần còn lại của người canh tác), nhưng tùy từng thời vụ, ai đóng bao nhiêu cũng được, tùy khả năng mỗi người.

Cuộc sống của hai bà cháu nhờ cấy vào mấy sào vườn, mảnh rừng và cái ao rau muống. Mọi việc rất yên ổn. Vườn, rừng ít ai đụng chạm đến, vì họ quan niệm rằng đó là giang sơn của thầy phù thủy. Cái ao rau muống ngoài đồng, thì màu mỡ tươi mát quanh năm, thả sen, trồng rau, nuôi cá...mỗi mùa một loại cây hoa. Những năm trời hạn khắc nghiệt tưởng chừng cháy đất, nhưng ao vẫn còn nước. Các thầy địa trong vùng bảo rằng đó là “con mắt thủy”. Nếu đứng đúng tâm điểm đỉnh núi Chóp Chài, nhìn chiếu vào con “mắt thủy ấy”, thì sẽ biết trước được nhiều điều nhân tình thế thái.

Sau cái đêm ba tôi “bị bắt”, tình hình an ninh trong vùng bắt đầu căng thẳng. Ban ngày bọn lính bảo an cùng địa phương quân rảo đi tuần tiễu săn lùng khắp nơi, ban đêm tăng cường mai phục. Lệnh giới nghiêm được ban bố. Mới sập tối mọi nhà đều tắt đèn đi ngủ sớm; cánh đàn ông trai tráng ăn cơm chiều xong, phải sơ tán ra phía đường mười sáu tìm chỗ ngủ qua đêm.

Mặc dù như thế, nhưng sáng nào mọi người cũng kháo nhau nhiều chuyện giạt gân, kinh thiên động địa: Trường Bình Liên (sát tinh lộ mười sáu) Cách mạng về dán thư kêu gọi ủng hộ kháng chiến; mấy tên Quốc dân

đảng ác ôn ngủ trong ấp chiến lược bỗng nhiên mất tích trong đêm; những câu khẩu hiệu chống Mỹ, Ngụy xuất hiện thường xuyên ở trường tiểu học, ở chợ Vinh Huy; ban đêm có nhiều bóng ma quái dị đứng chắn ngang đường dốc Cây Cốc Ngựa...Ai ai cũng cảm thấy hình như quân Cách mạng đang ở ngay quanh mình.

Sáng hôm ấy, bà nội dẫn tôi ra sau rừng hái lá, đào củ thuốc Nam. Trong khi đi tìm cây thuốc, tôi vô tình nhặt được gói thuốc lá Rubi đang hút dở ở bìa rừng; nhìn chung quanh có nhiều mẫu tàn bị dí bẹp vùi dưới lớp lá khô, ở những chỗ đất mềm còn in rõ nhiều dấu giày đinh mới rọi. Tôi chỉ cho bà xem.

Thoáng chút nghĩ ngợi, bà nói lầm bầm:

- Đêm đêm bọn chúng lại kéo đến rình mò quanh nhà mình rồi! - Sau đó bà bảo tôi vất gói thuốc lá lại chỗ cũ.

Ngay chiều hôm ấy, sau khi ăn cơm xong, bà nội bắc cái chõng tre ra góc sân ngồi uống rượu, vừa uống rượu bà vừa chửi bới nghênh ngang. Lần này bà chửi cả chuyện bọn lính Quốc gia phản trắc lập mưu hại người, nửa đêm xông vào nhà bắt ba tôi; chửi cả những đứa tham lam, đêm đêm rình mò như ma ẩn dật, chờ đón trộm cây củi, bẻ bí bắt gà. Bà còn cảnh báo rằng, sắp tới bà sẽ cài bẫy, cắm chông để giữ mảnh đất, miếng vườn của tổ tiên để lại, giữ cái hoa lợi để sống mà coi những kẻ ác phải trả cái nợ đời...

Nghe bà nội chửi, tôi nghĩ rằng bà không say, không phải như cách nói của mọi người là “rượu

chửi”. Mà bà nội chửi đấy!

Từ hôm đó, bà nội để ngay dưới gầm giường một cái ống nhôm đựng nắm lá rừng được vò nát. Bà bảo tôi cứ mỗi buổi sáng dậy, trước khi bước xuống đất, hãy khạc nước bọt nhổ vào đó, để bà làm thuốc độc tẩm chông cắm quanh bìa rừng.

Bà nội bảo bác Năm đón, chẻ đem về cho bà mấy bó thân cây cau già, chặt phơi cho bà vài ba gốc tre thật chắc. Hôm nào trời tốt nắng, vào tầm nửa

buổi hay xế chiều mỗi ngày, lúc rảnh rang công việc, bà đem rửa, kê đòn ng ửi ngoài ngõ vót những cây chông bén ngọt. Bà nội vót chông khéo lắm, đủ các loại: chông kép, chông đơn, chông ba lá, cả loại chông có ngạnh như cái ngạnh lưỡi câu. Vót đến đâu bà đem xếp hàng trải phơi dưới nắng đến đó.

Người người qua lại, nếu ai tò mò hỏi, thì bà trả lời rất giản đơn rằng: “Vót chông cắm quanh vườn chống kẻ trộm.”

Riêng tôi, tôi hiểu những cây chông của bà nội vót ra không chỉ để chống trộm cắp, mà còn chống cả sự rình mò mai phục của bọn ngụy quân, ngụy quyền lúc bấy giờ .

4. QUÀ TẶNG CỦA THẦN TIÊN

Chiến tranh đi liền với mất mát thương đau, cả xã Bình Trị, cả làng Việt Sơn, không có gia đình nào còn nguyên vẹn. Gia đình tôi chia năm xẻ bảy, bám trụ lại mảnh vườn của ông bà chỉ còn hai bà cháu tôi. Cuộc sống của hai bà cháu côi cút trăm sự trông cậy vào hoa trái trong vườn, một vạt rừng nhỏ bồi nhiều hơn cây và cái ao rau muống ngoài đòng.

Bà nội thường dạy tôi rằng: "Con nhà nghèo phải chịu thương, chịu khó".

Mới lên chín lên mười, tôi đã biết quảy trạc đi nhặt phân trâu rơi về cho bà bón rau; đặt bẫy bắt chim, ra ao câu cá.

Tuổi nhỏ tôi thiếu thốn mọi bề, đến lớp vở lòng xin học ké ông giáo làng, dụng cụ học tập bà chỉ mua cho được duy nhất một quyển vở và cây bút chì, tập viết ở nhà bằng cộng tre vót nhọn viết trên lá chuối. Túng bần quanh năm, nhưng chưa bao giờ bà nội để tôi phải thiếu cái ăn. Dù cháo ốc, cơm độn hai phần khoai sắn, nhưng bữa nào cũng no. Thi thoảng vào ngày rằm, mừng một được bữa ngon, có thêm thịt cá. Quần áo tinh tươm nhất chỉ có một bộ, gồm chiếc áo cổ vuông vải Thao với cái quần đùi vải xi-ta dày trùng trục. Tôi ao ước có được cái mũ bê-rê với cái quần sọt xanh như thằng Buren con bà Vẩn. Bà thường bảo tôi hãy chăm ngoan, đừng đi chơi xa, ở nhà giúp bà giữ mảnh vườn, tưới luống rau để có cái hương khói ông bà, thần linh; mình chăm chỉ, lòng thành, mong gì họ sẽ giúp.

Việc cúng bái, nếu đem xếp hạng thì bà nội tôi đứng nhất trong làng xã, một tháng đến những ba, bốn lần; chiều ba mươi, rằm, mừng một hằng tháng cúng định kỳ có cả chay lẫn mặn; hoa quả chong hương đèn vái tứ phương là thường xuyên mỗi ngày. Thương bà cứ phải bận rộn quanh năm lo cho ông bà thần thánh, nên mỗi khi có cúng kính, tôi thường loanh quanh giúp cho bà được nhiều việc lặt vặt.

Tôi nhớ có một lần, mãi chơi đùa, trượt chân té xuống giếng suýt chết đuối. Khi vớt được tôi lên, bà đặt tôi ng ồi ngay trên thành giếng, thấp hương khăn vái lia lịa: “Bố ba h ồi bảy vía hãy mau trở v ề với cháu tôi !”. Mấy ngày sau, bà bày lễ lớn, nói rằng để giải hạn cho tôi. Dọn cúng không phải chỉ có hương hoa qua quýt, mà cả thịt, cá, xôi, chè tinh tươm, bày kín cả ba mâm ở bàn thờ, toàn thức ăn nấu khô, lấy lá chuối vanh tròn như mặt trăng dọn thay cho chén đĩa.

Đang tuổi ăn, tuổi ngủ, mỗi lần cúng như thế tôi lại được một bữa no nê căng rốn; lại được bà ru đi ngủ sớm. Tôi đánh một giấc cho đến sáng bạch ngày mai; chưa kịp leo xuống giường đã thấy bụng đói c ần cào; chạy tìm bà, bà đi vắng; trèo lên bàn thờ tìm cái ăn, bàn thờ được dọn sạch trơn; xuống bếp lục lợi soong n ồi, còn được chén chè, đĩa xôi và vài khúc cá. Tôi nói th ầm trong bụng “Lại như thế !”.

Theo như bà nội nói: Có tin có lành, có thờ có cúng; hai cõi âm dương, ngày đêm là kiếp người luân chuyển trước sau; chén thịt đĩa xôi là sự ham hố phàm trần, biến hóa thành hương hoa là cho hương h ồi người đã khuất.

Hình như tôi đã mơ h ồi nghi ngờ một đi ều gì trong việc làm cỗ cúng của bà nội, nhưng tuổi nhỏ lại quên ngay, dù sao cũng còn cái ăn. Lót bụng xong đĩa xôi, để phần cho bà chén chè; tôi chạy tốt ra sau rừng để kiểm tra cái bẫy chim đặt lại chiều hôm qua.

Mới ra đến bìa rừng, tôi gặp bà nội đang bưng v ề một thúng củi khô. Thấy tôi có vẻ tò mò, bà giải thích qua loa:

- Dem một mâm vào cúng cái miếu trong Gò Chùa, nơi ấy thờ một vị th ần linh thiêng chuyên lo việc che chở cho kẻ nghèo khó - Bà ra hiệu bảo tôi trở vào nhà - Vào bà cho cái nì.

Vào nhà bà lấy từ đáy thúng ra cái gói nhỏ được bọc bằng lá chuối khô đưa cho tôi. Giọng bà vui, nhưng vẻ mặt rất thành tâm:

- Bà lượm được ở trong miếu, cho con đấy!

Tôi đưa hai tay đón gói lá chuối và mở ra. Sung sướng quá - Một cái mũ bê-rê, cái quần sọt và có cả cái áo sơ mi trắng may bằng vải dù pháo sáng, trên túi áo lại có thêu hai chữ “Tự Lực” màu đỏ.

Vừa nhai trầu bà vừa dặn một câu bằng quơ:

- Chuyện thần tiên giúp đời chỉ để bụng, không được nói ra với ai, mất thiêng.

Tôi tin những gì bà nội nói là có thật. Và từ đó, cái tên Bùi Tự Lực như là một định mệnh gắn với suốt cả cuộc đời tôi.

5. MUỐI CÁ HÓA DƯA

Hai bà cháu sống đơn chiếc ở vùng tạm chiếm, tuy có nghèo khó túng thiếu nhiều thứ, nhưng chưa đến mức lâm vào cảnh đói khát, vậy mà mỗi khi bán được cái cây, cái củ hay hoa trái trong vườn; gom góp được ít nhiều là bà nội lại lo mua thực phẩm đem cất trữ. Theo như bà nói, thì để dự phòng cho những ngày giáp hạt, những tháng gió mưa.

Năm ấy, khoảng đầu tháng tám, sợ mùa mưa đến sớm, bà nội gọi người chặt bán ba bụi tre, lấy tiền mua cá muối hai tĩn* mắm cá nục và một ít cá ngừ. Bà bảo rằng mắm cá nục thì phải đến hai ba tháng sau mới ăn được, còn cá ngừ thì có thể ướp muối để kho ăn dần.

Vài ngày sau, bà nội có việc phải đi Hội An mấy ngày - Nghe đâu có người nhắc bà ra tìm mộ bác Ba Hòa, là bác ruột của tôi bị địch bắt giam rồi thủ tiêu bỏ xác ngoài đó. Mọi lần khi đi đâu xa phải ở lại đêm, bà đầu dắt tôi theo, nhưng lần này thì bà đành phải gửi tôi ở nhà cho cô Song - người hàng xóm, vì hôm qua tôi bị ngã trật khớp xương đầu gối; hơn nữa, năm nay tôi lớn lắm rồi, mà bà thì bị tật cái chân đi khập khiễng, nên không thể công tôi theo được.

Trước khi đi, bà nội dặn kỹ tôi từng việc một:

- Gạo bà gửi bên nhà cô Song, có cả ốc đá nữa, đến bữa sang bên nó ăn cơm.

Ngừng một tý rồi bà nói tiếp:

- Đừng đi chơi xa lỡ gặp bọn ác nó bắt mất, ở nhà chơi với con Lâu - con gái cô Song, tội nghiệp con bé đau ốm suốt cả tháng nay, ra ngoài nó gặp thuốc bà sẽ mua cho nó.

Sợ tôi quên, bà bảo tôi lặp lại những điều bà vừa nói rồi dặn thêm:

- Tối đến nhớ cột cửa lại, sang ngủ với Cả Vàng - anh ruột con Lâu.

Tôi “dạ” một tiếng thật to để bà yên tâm.

Con Lâu sống cực khổ hơn tôi nhiều, nhà nó không có ao, chẳng có rừng; mấy mẹ con thường phải đi làm thuê, làm mướn quanh vùng, nó lại hay đau ốm luôn. Lần này trông nó còm nhom như cây củi. Bà nội bảo nó với tôi cùng tuổi Ngọ, ba nó đi tập kết chứ không bị địch bắt ở tù như ba tôi. Khi tôi mới sinh, mẹ tôi bị bắt đi trại cải huấn, bà nội thường bồng tôi sang bú nhờ mẹ nó.

Hôm ấy, cô Song và anh cả Vàng đi làm xa không về trưa, hai đứa ở nhà phải tự lo cái ăn. Lon gạo và ít mắm cô Song để sẵn; lại còn có cả chậu ốc nữa. Chỉ cần ra vườn hái thêm nắm lá lốt là có được nồi cháo ốc ngon lành (Nồi cháo ốc đá của bà nội tôi nhớ suốt đời, chỉ toàn ốc mà ngọt nước hơn nấu với thịt bò). Tôi đi hốt một nắm ốc đem chắt rửa, định đặt nồi nấu cháo. Con Lâu ở trong nhà nói vọng ra:

-Lực ơi! Nấu cơm ăn đi, lâu nay ăn cháo hoài, chán lắm.

Tôi thì ăn gì cũng xong, miễn sao no bụng là được, nhưng còn con Lâu nó ốm đau và gầy yếu như thế, làm sao có thể nuốt nổi cơm với nước mắm. Thương nó quá! Tôi chợt nhớ đến cá ngừ ướp muối. Không cần suy nghĩ gì hết, tôi chạy về nhà, rúc vào góc buồng, lần lượt bưng hết từng cái tìn. Lạ quá! Cái nào cũng nhẹ tênh. Đến cái tìn cuối cùng hơi nặng nặng, tôi mở nắp ra thì chẳng có cá mắm gì cả. Toàn là dưa muối!

Tôi rất ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì đã xảy ra trong những ngày vừa qua, mắm và cá bà nội mới muối có mấy ngày, muối xong hai bà cháu bưng vào để đúng chỗ đó, trong cùng là tìn dưa, vậy mà sao bây giờ như có phép lạ - tất cả cá biến mất?

May mà tôi chưa nói gì với con Lâu ý định lấy cá ngừ ướp muối kho cho nó ăn cơm. Tự dưng tôi thấy lo lắng, nếu đúng là kẻ trộm vào lấy hết chỗ cá muối hôm nọ, thì mai bà nội về chắc chắn là tôi sẽ bị đòn.

Chiều ngày hôm sau, thấy bà nội chống gậy về, tôi rất mừng; nhìn thấy vẻ mặt bà rất buồn - chắc là không tìm thấy bác Ba. Tôi vừa lo vừa sợ, tự thấy mình có lỗi, nếu nói ngay với bà về chuyện mất mấy tấn mắm thì bà sẽ buồn thêm.

Bà lần túi lấy cho tôi mấy miếng kẹo đậu phụng và nhắc tôi nhớ để phần cho con Lâu; vừa ngửi nhai trầu bà vừa hỏi chuyện nhà trong những ngày bà đi vắng. Thấy tôi cứ bẽn lén nói loanh quanh, bà cốc nhẹ lên trán tôi rồi đỡ dành khích lệ:

- Ở nhà chắc có chuyện gì rồi phải không? Nói thiệt đi, bà tha cho!

Sau khi nghe tôi kể lại chuyện mất mấy tấn cá, bà mỉm cười và an ủi tôi:

- Bà con mình còn nhiều người túng thiếu, mình chưa ăn thì người khác ăn, coi như bà cháu mình làm phước.

Mãi đến sau cái “sự kiện” đêm rằm tháng mười, tôi mới hiểu được sự thật về những việc làm thần lạng của bà nội và mấy tấn cá muối hôm ấy không cánh mà bay.

6. ĐÊM RẼM THÁNG MƯỜI

T hêm một tuổi, tôi đã khôn hơn để nhận thấy những hoài nghi mơ hồ cứ hiện dần rồi đầy đặn và tròn trịa như tuần trăng. Việc cúng bái của bà nội linh nghiệm lắm; thần tiên, ông bà như hiện hữu quanh đây để ban cho con người những món quà như ý muốn. Tính tò mò con trẻ trong tôi thức dậy và mách bảo cần phải khám phá thế giới chung quanh.

Rằm tháng mười lại đến. Năm nay bà nội tổ chức cúng to lắm, cho gọi cả cô Hai và bác Năm về tát ao bắt cá, nấu nướng từ sáng sớm. Bà nội gọi là Cúng lễ hằng năm để tống khứ những điếm dữ ẩn dật trong nhà, đồng thời rước về những điếm tốt lành phù hộ. Cổ bàn dọn linh đình, ngoài ba gian bàn thờ đầy ắp thức ăn trên chày, dưới mâm, nghi ngút khói hương, còn có hai mâm kê dọn ngoài sân; cả những áo giấy in chữ Ta vắn vèo, với những mặt người vẽ như hát bội dán từ xà nhà ra đến trụ ngõ. Lễ nghi khẩn vái rất bài bản, bà nội đọc sớ rần rì, bác Năm ngõ gồ chuông mõ chập cheng.

Hạ lễ, ăn uống xong thì đêm đã về khuya. Bác Năm xong việc bà cho về, biểu cô Hai ở lại dọn dẹp và giục tôi đi ngủ. Hôm nay tôi không eo xèo vùi vùi đòi bà kể chuyện đời xưa đời xưa hay hát “Thoại Khanh Châu Tuấn” như mọi lần, mà ngoan ngoãn lên giường ngay, cũng không luồn tay dưới yếm bà nữa. Mới nghe vài câu hát ru của bà là tôi đã nằm im, cố gắng thở đều và giả vờ ngủ. Một lúc lâu, tôi nghe bà sè sè ngõ dậy, đưa tay sờ trán tôi và hỏi nhỏ:

- Ngủ chưa con?

Bà hỏi lại lần nữa. Im lặng. Bà nội đáp thêm cho tôi cái mền rồi nhẹ nhàng rời khỏi giường.

Tôi hé mắt nhìn theo, thấy bà nội với cô Hai thì thầm đi đâu gì, rồi ra đầu hè ngõ như đang chờ đợi ai. Một lúc sau, cô Hai đứng dậy đi ra phía ngõ.

Tôi hơi hoang mang, cảm thấy hình như có điều gì không bình thường đang xảy ra quanh đây. Trời đêm lặng tịch. Tôi nghe được cả tiếng “bình bịch, bình bịch” trong ngực mình. Nằm một mình tự nhiên tôi thấy rờn rợn, đầu óc rối beng, tim đập hỗn loạn. Tôi muốn gọi “Bà ơi” nhưng lại sợ. Tôi nắm cứng hai tay lại (Bà bảo hễ khi nào sợ thì làm như thế). Tôi hối hận về việc mình làm, bà nội là người tốt nhất trên đời, điều gì bà nói cũng đúng, có bao giờ bà làm điều gì xấu đâu mà phải lừa phỉnh để rình rập bà như thế này, để đến nông nổi bây giờ run cũng sợ, mà kêu cứu cũng sợ. Tôi cố gắng giữ bình tĩnh và tự trấn an mình: Nhất định Bà nội và cô Hai đang làm một việc gì đó của người lớn rất hệ trọng.

Đang nghĩ ngợi lung tung, tôi giật thót khi nghe tiếng chim lạ:

-Tắc kè ...Tắc kè... Tắc kè...

Rồi lại ba tiếng kêu như thế nữa. Nhìn ra khoảng sáng ở cửa, tôi thấy bà nội đang đi vào (dù cái bóng lờ mờ nhưng tôi biết đó là bà nội, vì dáng đi khắp khiễng khác biệt của bà). Bà đi luôn vào trong buồng. Tôi nghe tiếng chốt cửa sau bật mở, tiếp theo là nhiều tiếng động lạ ở trong buồng cùng tiếng thì thầm và có cả tiếng cười nho nhỏ nữa.

Cảm giác lo sợ biến mất nhường chỗ cho óc tò mò. Tôi chồm dậy, ghé mắt vào chỗ lỗ thùng trên tấm phên nhìn vào buồng. Tôi cứ tưởng như mình còn đang mơ ngủ. Đêm Rằm Tháng Mười trời nhiều mây, bên ngoài tối lờ mờ, nhưng trong căn buồng giữa vùng tạm chiếm đang có một khoảng sáng lung linh huyền ảo tỏa ra từ mấy đĩa đèn dầu. Khoảng mười người đứng quanh cái rương xe, người mặc quần áo bà ba đội mũ tai bèo, người mặc đồ lính; súng ngắn, súng dài nhiều loại; có một người cao to như Tây đứng gần chỗ ngọn đèn, trên người trùng trục mỗi cái quần rằn ri, thủ pháo, lựu đạn đeo lưng lủng lẳng quanh mình, trông vừa oai phong vừa dữ dội. Bà nội thì thoăn thoắt gói thức ăn cho vào ba lô.

Mọi việc diễn ra mau lẹ như giấc mơ, mọi người ra đi cũng im lặng và chớp nhoáng như khi họ hiện đến.

Trong bóng đêm, tôi cảm thấy hình như có ai cũng đang theo dõi mình, chưa kịp quay lại thì tôi nhận ra một bàn tay lạ xoa đầu tôi, cùng với một

giọng nói trầm và ấm: “Con ở nhà với bà nội phải ngoan nghe, ba còn đi lo công việc Cách mạng !”

-Ba! - Tôi bật ra một tiếng gọi từ trong tiềm thức, chồm lên vươn hai tay ôm choàng trong bóng tối.

Một vòng tay gầy quen thuộc ôm lấy tôi. Nằm trong vòng tay của bà nội, tôi như vừa chợt tỉnh giấc chiêm bao! Không cần phải lo nghĩ thêm một điều gì nữa, tâm trạng bàng hoàng chưa hết đã tràn ngập niềm vui và tôi cảm thấy quanh mình đang có sự chở che vững chắc. Tôi áp đầu vào cái ngực xẹp lép của bà nội, khóc tức tưởi.

Kể từ đó, hôm nào bà nội làm cổ cứng, thì tối hôm ấy tôi không phải đi ngủ sớm nữa, mà được bà phân công cặm cái mõ tre đứng canh nơi đầu ngõ.

7. TRÚNG ĐÒI KHÔN HƠN VỊT

Bà nội có sáu người con trai, hiện còn lại chỉ có ba tôi, nhưng đang bị giam cầm ở nhà lao Phú Lợi và bác Năm ở quê, nhưng theo bên vợ trong Hóc-Tây; vào ra sớm tối với bà chỉ có tôi - Đứa cháu nội có nhiều bất hạnh nhất.

Ở tuổi già của bà nội, tôi nhận ra có những vẻ đẹp cổ xưa. Ngoài tuổi bảy mươi, trông bà có dáng dấp một vị tiên, người tằm thước, da dẻ hồng hào như lúc nào cũng có mem say, mái tóc sông dài và bạc trắng, hàm răng đen tuyền đều như đếm. Riêng đôi mắt của bà như có phép lạ, lúc vui buồn với cháu con, với mọi người, thì hiền từ như mắt Phật, tựa như hồ đầy tỏa sáng; khi giận dữ với bọn chức sắc trong làng xã, thì sắc lẹm như dao, nhìn đứa nào là như cửa vào gan ruột đứa ấy. Hình như dưới đôi mắt của bà nội, tất cả mọi vật đều hiện nguyên hình trần trụi. Chắc đó là ảo giác linh nghiệm trong ánh nhìn của người già.

Tôi lớn lên trong tình thương của bà nội. Có thể nói rằng, bà nuôi tôi sớm tối cháo rau, khoai sắn cùng với giọng hát ru triền miên như suối ngân nga thay cho sữa mẹ. Tuổi thơ tôi tròn căng những truyền thuyết, sự tích Lục Vân Tiên, Thoại Khanh Châu Tuấn ngấm vào trong tôi từ thuở chín mười.

Bác Năm thương bà nội lắm, vài ba ngày lại về thăm, khi thì chõng bánh trắng, chục cá; khi thì miếng thịt heo hay con gà giò. Nhưng bà thích nhất là bác đem về cho rượu.

Hôm ấy, bác Năm đi đâu về ghé qua, giỏ túi lấy ra chục cau và mấy liên trầu để lên bàn, nói rằng của bà Toàn thông gia gửi biếu mẹ.

Cũng Như mọi lần, sau vài câu thăm hỏi hai bà cháu, bác Năm dạo quanh nhà rồi làm một việc gì đó. Lần này bác bảo tôi lấy cái liềm để bác ra vườn bứt sợi mây vào buộc lại cái chái bếp.

Tôi là cậu bé có tính tò mò. Nhìn cách ăn mặc, tôi biết chắc là bác Năm vừa đi xa về. Tính bác Năm mạnh mẽ và dứt khoát, khi làm việc gì bác thường mặc mỗi cái quần đùi cho thuận tiện; lần này đi ra vườn bứt mây cứ phải đeo theo cái túi lưng lửng lửng cho vướng, trong cái túi lại có cục gì nặng nặng. Tôi đoán, nếu không phải cái súng ngắn thì cũng là lựu đạn hay thủ pháo gì đó.

Khi bác Năm trở vào, tôi nhìn thấy bác không còn đeo cái túi nữa, cái túi rút được cuộn lại bỏ vào túi áo bà ba đang mặc. Như thế thì nhất định bác Năm đã cất giấu vũ khí đâu ngoài vườn.

Buộc xong cái chái bếp, Bác Năm đưa tiêng bảo tôi lên quán bà Vần trả số tiêng rượu bà nội còn nợ và mua về cho bà một cốc*.

Khi tôi đem rượu về, bác Năm dặn đi dặn lại:

- Mỗi chiều mẹ chỉ uống một cốc thôi, uống xong, ăn cơm rồi đi ngủ chứ không được chửi bới ai hết - Bác Năm quay sang phía tôi - Mỗi ngày thằng Lực chỉ mua một cốc, cứ như thế khi nào về bác tính tiêng trả cho quán, bà nội có biểu thì cũng không được mua thêm.

Bà nội vừa cười vừa mắng khéo bác Năm:

-Nuôi mi lớn, mi bỏ theo quê vợ, rồi về tính với mẹ từng đồng bạc rượu; tao chửi cho làng cho nước chứ có hại ai đâu mà lo.

Bác Năm nín thinh, chỉ còn biết cười trừ. Bà bảo bác ở lại ăn cơm tối, nhưng bác không chịu, chào bà nội rồi ra về. Ra khỏi ngõ, bác quay lại vẫy gọi tôi ra bảo nhỏ:

-Bác dấu chai rượu ở cái chum bể trong cái hần đất cũ ở góc vườn, chiều đến khi bà bảo mua rượu, thì lén chạy ra rót một cốc đem vô cho bà; không được để bà biết, chừng nớ rượu bà uống được cả tuần lễ đó.

Tôi chưng hửng, hóa ra trong túi bác Năm lúc nãy không có súng đạn gì cả mà là chai rượu.

Bác Năm về rồi, bà nội kê cái chõng tre ra góc sân uống rượu như mọi lần, uống hết ly rượu cuối cùng là bà hân giọng chửi đồng giữa trời:

- Lại cứ tổ cha mấy thằng ác ôn, địa chủ, phủ huyện biến thành thú dữ ăn thịt dân lành, ăn thịt hết cháu con nhà bà.

Nhớ lời bác Năm dặn, tôi chạy ra sà vào lòng, luồn tay dưới yếm bà “sò ty”, nũng nịu:

- Bác Năm dặn bà nội uống rượu rồi vô ăn cơm đi ngủ kia mà, không được chửi chúng nó nữa!

Bà nội gạt tay tôi ra:

- Xấu hổ, lên mua cho bà cốc nữa, uống xong hai bà cháu ăn cơm, rồi bà hát cho mà ngủ.

Sau cái ghé tay cam kết với bà nội, tôi cầm cái chai cốc tuôn chạy ra ngõ, rồi vòng lại rúc qua bờ rào, chui vào cái hầm đất cũ. Đúng là một chai rượu to, có kèm cái phễu nhỏ. Tôi rót đầy một chai, rúc rào chui ra đem về cho bà. Bà khen rượu này ngon hơn rượu mua lúc trước. Bà bảo dọn cơm ra ăn luôn; bà nội vừa ăn cơm vừa uống rượu. Hai bà cháu ăn xong bữa cơm thì thôn xóm cũng vừa lên đèn.

Chiều hôm sau, đợt khi bà nội sai đi mua rượu là tôi trốn ra hầm rót chai rượu đem vào. Bà vui vẻ hơn mọi lần, cứ tấm tắc khen rượu ngon. Sau bữa cơm bà không chửi vung thiên địa như mọi lần, mà ngẫm ngâm Thoại Khanh Châu Tuấn cho tôi nghe.

Màn đêm buông xuống lúc nào tôi không hay. Hai bà cháu đi nằm. Hình như bà khó ngủ, cứ trăn trở hoài. Chưa buồn ngủ, nhưng tôi cố nằm im. Một lúc lâu, tôi nghe bà nói nhỏ một mình, hình như có ý than trách đi đâu gì:

- Đi mô về đeo cái bị nặng trĩu, cứ tưởng có bom mìn chi trong đó, đem ra cất giấu ngoài nó để chờ ngày đi hốt đần bọn nó mà rửa hận cho nước cho nhà - Nghỉ một chút rồi bà lại nói tiếp - Báu chi mấy chút rượu nó mà cất

cất giấu giấu, đem tính tiền từng ngày. Tao còn đủ sức để nuôi cả tiểu đội - Im lặng - Rồi lại còn bày vẽ mưu mẹo cho thằng con nít gặt tao.

Nghe đến đây, tôi biết là bà nội đang nói đến ai và nói chuyện gì rồi. Tôi nằm im thin thít, nghĩ cách tránh đòn, nhất định thế nào cũng bị bà cho một trận ra trò, mà cũng tại bác Năm bày trò ra như thế. Tôi nghĩ, tốt nhất là nên xin lỗi trước trong đêm, mai dậy sớm chạy vào nhờ bác Năm ra đỡ giúp.

Đang nghĩ ngợi linh tinh, tôi vừa kịp nhận ra vòng tay bà choàng qua ôm tôi; tôi cự mình quay lại rúc đầu vào ngực bà, co hai chân ngo nguậy, đang lấy can đảm để lên tiếng cầu xin, thì nghe bà vỗ vỗ vào lưng và nói:

-Bác cháu tụi bay giỏi thiệt hè, mới mở mũi mà đòi mưu với mẹo! Trứng lại đòi khôn hơn vịt!

Nghe bà nội nói thế, tôi mừng thầm, như vậy là bà không giận, sáng mai dậy ra bung chai rượu vào chắc là được bà tha bổng.

8. NHỮNG CỘT KHÓI

Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã được bà nội dạy cho tình yêu lao động và tinh thần tự lực cánh sinh. Mới tám, chín tuổi tôi đã ý thức được cuộc sống của hai bà cháu phụ thuộc vào việc canh tác một mảnh ao và mấy sào vườn. Công việc tôi làm phụ giúp bà là quét rác, hốt lá khô trong rừng, quanh vườn và chiều chiều quảy trạc ra gò, bãi nhặt phân trâu bò rơi vãi, để bà chăm vườn, bón rau.

Theo như cách bà nội làm, thì tất cả các loại rơm rạ, cây lá, rác thải... đều có thể đốt thành tro hoặc hun khói với phân bò, phân trâu là trở thành phân bón. Có người mách bảo nên cắt lá ủ thành phân xanh, nhưng theo bà thì phân xanh không tốt bằng phân tro.

Có thể nói trong vườn bà nội là một “công trường” nho nhỏ để sản xuất phân bón. Bà cho đào một hệ thống hố đốt rác chung quanh vườn, hai hố ngoài ao ở giữa để hun rạ; phân trâu phân bò nhặt về có chỗ phơi khô riêng, khi đốt bắt lửa rất đượm mà lâu tàn; rơm rạ và cả giẻ rách bà bện thành những con cúi, khi cần có thể thêm một ít loại lá đốt lên để xông muối.

Lá khô ngoài rừng, rác rưởi quanh nhà, lá tre lá mít quanh vườn...tất cả đều được dفن vào các hố đã đào sẵn. Vì vậy mà quang cảnh trong vườn, ngoài rừng đều sạch trơn, ai trông vào cũng thích mắt. Những trưa hè bọn trẻ con chúng tôi thường kéo nhau ra rừng chơi đùa, rồi treo võng bẹ chuối ngủ trưa.

Vào những ngày nắng ráo, bà nội hay đốt rác làm phân. Công việc ấy bà làm vô chừng, vô phương, lúc nhặt lúc thừa, khi nhiều khi ít không cố định. Có kỳ bà đốt liên tiếp vài ngày, rồi nghỉ cách quãng ba bốn ngày sau; có hôm đốt cuối vườn, hôm thì đầu vườn; có khi đốt một đồng, hai đồng; lại cũng có khi đốt tất cả các hố rác trong vườn và ngoài đồng ruộng.

Chắc vì đốt rác thường xuyên, sợ phát sinh hỏa hoạn, nên bà chỉ đốt từ lúc ban trưa đứng gió đến nửa chiều và phải ngửi canh chừng. Ở tuổi nhỏ tôi rất thích đốt lửa, nhưng bà nghiêm cấm; chỉ có bà mới được làm việc đó. Mỗi lần đốt rác, tôi cảm thấy hình như bà nội quan tâm đến khói nhiều hơn, chứ không cho cháy thành lửa ngọn. Tôi hỏi bà, bà bảo rằng nếu để cháy thành lửa ngọn thì chỉ còn tro chứ không có phân.

Sống giữa vùng tạm chiếm, công việc của hai bà cháu cứ như thế bình lặng trôi đi. Đến năm 1964, quê hương tôi được giải phóng. Tôi rất ngạc nhiên và thắc mắc khi thấy bà nội chuyển các hố đốt rác trong vườn thành những hầm trồng bí, trồng bầu hoặc thay vào đó là những bụi chuối, một vài hố còn lại bà dùng để ủ phân xanh.

Nghe tôi hỏi trong sự tò mò, bà nội nheo mắt cười:

- Trước đây đốt rác làm phân, nhưng là khói lửa truyền tin của bà đấy con ạ! - Bà nội truyền tin gì? Cho ai?

Khi được bà nội giải thích, tôi mới vỡ lẽ ra rằng: Đốt rác làm phân bón để trồng rau, trồng cây là bình thường, ai cũng có thể làm được; nhưng còn một việc khác quan trọng hơn nhiều. Đó là nổi lên những cột khói truyền tin cho quân Cách mạng - Cứ đứng trên núi Chóp Chài hoặc Phái Nam nhìn xuống, đếm số lượng và xác định vị trí cột khói trong vườn để biết có bao nhiêu lương thực, thực phẩm ở dưới này đã chuẩn bị và đang để ở đâu; cứ như thế, tối đến cử người ra vận chuyển về căn cứ.

Sau này lớn lên, nhớ lại những việc làm của bà nội ngày ấy, tôi đoán là ngày xưa chắc bà có đọc sách kể nhiều chuyện bên Tống, bên Tàu, nên mới nghĩ được đa kế, nhiều mưu đến thế.

9. CẦN ĐI TÙ

C hợ Vinh Huy quê tôi thời ấy đông đúc lắm, là trung tâm buôn bán của cả vùng Tây Thăng Bình và Quế Sơn; nối liền giữa chợ Đo Đo với Việt An, giữa chợ Đông Phú, Chợ Đàn với Cây Sanh. Việc bán mua tại chợ là bình thường, nhưng ở chợ quê lúc bấy giờ còn có cả việc đi ngựa (đón đường mua hàng hóa ngang đường trước khi người bán gánh đến chợ).

Trước ngõ nhà bà nội là một địa điểm thuận lợi cho việc mua bán trao đổi ngang đường. Cô Bốn Tranh, cô Bảy Tâm và nhiều người ở Bình Dương, Bình Giang, Chợ Đước... hằng ngày thường lên đón mua lúa từ Việt An, Cao Ngạn gánh xuống; hàng hóa từ chợ Đông Phú gánh sang. Vì vậy nên các cô trở thành chỗ quen biết và thân thiết với bà cháu tôi như người trong nhà.

Bẵng đi một thời gian, tôi không thấy các cô đến nữa; hỏi bà nội, bà bảo các cô đã đi mua lúa nơi khác.

Một buổi trưa, tôi đang ng ửi chữa cái ống phóc ở góc vườn (loại súng tự tạo bằng ống tre bắn bằng hạt bời lờ), thấy tên liên gia trưởng vào nhà đọc cho bà nghe một cái giấy gì đó. Nghe xong, bà chống gậy đứng dậy, giật phắt cái giấy vo lại rồi quát lớn:

- Tao đang cần đi ng ửi tù đây - bà nói gần từng tiếng một - Nay cải huấn. Mai cải huấn. Cải huấn riết rồi thành Việt cộng ráo hết.

Tên liên gia trưởng cúi đầu đi giật lùi ra ngõ. Chắc hẳn sợ cái gậy trong tay bà nội - bình thường nó là cái gậy cù ngoéo để chống, cái cù khèo để hái mấy trái cây trong vườn cho bọn nhỏ chúng tôi, nhưng cũng có thể lập tức biến thành cái cây phang vào lưng mấy tên vai vế trong xóm ấp.

Mấy ngày tiếp theo đó, hai bà cháu ra rừng lấy thêm về nhiều loại cây thuốc Nam, chế biến thành chai lọ, thành gói. Bà nội là một thầy thuốc

Nam gia truyền có tiếng, với những chai nước được chưng cất từ các loại lá; những gói thuốc bột được sao tán mịn từ các loại rễ cây rừng, bà có thể chữa trị được rất nhiều bệnh với giá tiền hảo tâm tự nguyện của mọi người. Đã bao năm tháng, với cái tay nải khoác vai, bà từng rảo theo khắp các nhà lao của Mỹ, ngụy trong tình để thăm nuôi hết lượt các bác r ồi đến ba tôi.

Tối hôm ấy, bà nội gọi cô Bảy về. Cô Bảy vào đến sân, bà ng ồi chờ sẵn ở cửa. Không đợi cô Bảy hỏi, bà nói ngay:

- Mẹ con bay về trông coi giúp nhà cửa vườn tược, ngày mai bà cháu tao đi trại cải huấn ở quận.

Gia đình tôi được liệt vào “Gia đình Cộng Sản”, nên việc đi trại cải huấn với mọi người là chuyện bình thường. Nghe bà nội kể lại rằng, ngay từ lúc mới lên một, hai tuổi, tôi đã bị bế theo mẹ và bà vào trại cải huấn ở chi khu Vinh Huy; có hôm còn phải nằm ngủ lán lóc một mình ngoài l ều chợ của bà Lược.

Cô Bảy ng ồi xuống, rơm rớm nước mắt, nói g ần như năn nỉ:

- Mẹ thương nó, lần này mẹ để nó ở nhà với con.

- Không được, cứ mẹ đi mô thì nó theo đó; lần này chắc còn vào nhà lao, nhà n ầy còn mỗi mình nó chưa phải đi tù, dẫn theo vào đó cho nó biết.

Cách nói dứt khoát của bà nội như thế thì chắc chắn như đinh đóng cột, không có gì phải thay đổi nữa. Cô Bảy chỉ còn biết vâng dạ ra về. Ở nhà lao như thế nào thì tôi chưa biết, mới nghe nói cũng cảm thấy sờ sợ, nhưng vào đó với bà nội thì tôi yên tâm.

Sáng hôm sau, hai bà cháu dậy sớm gói ghém tư trang qua quít, ra Cầu Đôi đón xe đò đi Hà Lam. Bà nội mang cái tay nải, tôi đeo cái bình toong nhựa đựng đầy rượu. Rượu n ầy đem theo bà uống thì ít mà chủ yếu dùng để pha thuốc.

Đến Hà Lam, bà nội không dắt tôi vào trại cải huấn ở Hà Kiêu như mọi khi, mà đi thẳng vào khu hành chính quận Thăng Bình. Chắn đường ngay trước cổng quận lỵ là hai tên lính ngục mặt dữ như beo, áo quần sáu túi, súng lê lởm chồm. Đứng cạnh đó có mấy tên mặc thường phục, đầu chải sáp ướt rượt, đeo kính đen. Bà nội bảo đó là mấy “con chó săn” mật thám. Một tên trong bọn lên giọng hỏi như ra lệnh:

- Bà già đi mô ?

Bà nội trả lời bình tĩnh, rành rọt từng tiếng:

- Ông làm ơn vào nói với đề lao báo cáo lên quận trưởng rằng: Có bà Lê Thị Đình, mẹ của Bùi Ngọc Tây (tên ba tôi) ở Bình Trị xuống ng ẫ tù.

Bà nội đưa cho tên lính cái thẻ căn cước. “Mấy con chó săn” xúm lại như để đánh mùi. Chúng nó gật đầu với nhau, bảo hai bà cháu đứng chờ.

Bọn chỉ huy, chức sắc, chi khu trưởng và mấy tên ác ôn ở quận Thăng Bình, chúng nó không còn lạ gì với những cái tên Lê Thị Đình, Bùi ngọc Tây. Bởi vì, sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, ba tôi ở lại miền Nam hoạt động bí mật. Theo cách gọi của bọn địch, là một “Việt Cộng nằm vùng” có tên tuổi ở đặc khu Hà Lam lúc bấy giờ; ngày ba tôi thoát khỏi nhà tù, bọn chúng lỏng tay, sai kế không thủ tiêu được. Ba tôi thoát lên căn cứ và đang là Đội trưởng Đội công tác miền Tây, chuyên đi săn lùng và trừ khử những tên Việt gian khét tiếng có nợ máu với nhân dân. Thực tế vừa qua đã có mấy tên hội đồng, ấp trưởng bị đ ền tội ngay tại phòng làm việc hoặc trong phòng ngủ.

Một lúc lâu, tên lính lúc nãy trở lại, kéo theo hai tên đội mũ cảnh sát, mặc bộ quần áo màu cứt ngựa. Chúng nó khám xét rất kỹ khắp người và tư trang của bà cháu tôi; banh từng gói thuốc bột, ngửi từng chai nước. Thứ gì chúng nó cũng bắt tôi với bà ném thử. Bà nội phải mất nhiều lời nói khéo lắm chúng nó mới cho mang bọc thuốc theo.

Xong công việc khám xét, chúng dẫn hai bà cháu tôi vào sâu trong quận, đến ngôi nhà ngang to bè như một khối bê-tông ở trong cùng, nằm giữa

đóng dây kẽm gai bụi nhùi. Nhìn lên phía trên cánh cửa sắt xỉn đen, tôi đọc được hai chữ “ NHÀ LAO”.

Hai tên lính hè nhau đẩy cánh cửa sắt, để lộ ra một khoảng tối vừa đủ lọt một người, đẩy hai bà cháu vào rồi đóng sầm lại, sau đó là những tiếng xích sắt loảng xoảng bên ngoài.

Mới từ ngoài nắng bước vào một ngôi nhà cửa đóng bịt bùng, lò mờ tranh tối tranh sáng, không gian oi nồng xông lên mũi hơi khó chịu. Tôi nín cứng tay bà nội. Mãi hồi lâu, khi mắt đã quen dần, tôi nhìn chung quanh, thấy trong nhà có rất đông người, kẻ ngồi người nằm, toàn là phụ nữ. Bất chợt trong góc nhà có ai đó reo lên mừng rỡ, cùng mấy người chạy ào tới:

-Mẹ! Mẹ! Sao mẹ lại vô đây ?

Nhiều người cùng một lúc xúm lại hỏi rối rít:

-Vì sao mẹ bị chúng nó bắt giam, có chứng cứ gì không?...

Đột nhiên có ai đó bế xốc tôi lên, rồi hôn tôi như mưa. Tôi nhận ra đó là cô Bảy Tâm, cô Bốn Tranh cùng với một vài người thường hay mua bán trước ngõ nhà mình.

Bà nội không biết trả lời ai, nhìn quanh mọi người một lượt, rồi kể vắn tắt:

- Nghe tin các con bị bắt gần hết, bị đánh tra ghê lắm, nhân khi nó triệu đi cải huấn; xuống đây mẹ giả vờ như không biết, cũng không xuất trình giấy gọi mà nói là đi ở tù, dẫn thẳng Lực theo vô luôn đây, để cho nó biết như thế nào là nhà lao - Bà vỗ vào cái tay nải - Mẹ đã chuẩn bị kỹ, đem cả thuốc và dầu cho tụi bay đây.

Ngay sau đó, bà nội bảo các cô cởi áo, lật hết các vết thương ra để bà hòa thuốc hơ nắn, đánh máu bầm cho từng người. Ai bị đánh đập nhiều ở những chỗ nguy hiểm, ngoài việc bôi thuốc, xoa bóp, bà còn bắt uống thêm một gói thuốc bột với rượu.

Nhà lao Thăng Bình là cái lò nốt người đa hệ. Một ngôi nhà lớn được chia làm ba phần: Hơn một nửa là khu vực giam giữ những người thuộc diện tình nghi, chờ khảo tra để kết tội. Khu vực ở giữa là một gian nhỏ được ngăn cách bởi mấy lớp lưới sắt cỡ lớn, để nhốt những người chúng cho là Việt Cộng đích thị. Và ngăn trong cùng là khu xà-lim, chia làm ba buồng nhỏ, mỗi buồng có cửa như buồng vệ sinh; Những ai ở trong ấy đều bị khóa xích sắt ở chân. Mỗi lần cánh cửa sắt nhà lao mở bất ngờ là có chuyện chẳng lành: Thêm người bị bắt, bắt người đi hỏi cung hoặc trả người về trong tình trạng máu me đầm đìa, mê man bất tỉnh.

Không phạm tội tình chi, không bị ai bắt mà tự nhiên tôi trở thành một tù nhân nhỏ tuổi nhất nhà lao. Những ngày ở nhà lao Thăng Bình, chứng kiến những cảnh đọa đầy man rợ, tôi bắt đầu hình thành khái niệm “những con thú mất người”; đồng thời cũng được sống trong tình thương bao la của bao người cùng mang một họ “Phạm”. Đối với tôi, mỗi cô là một bà mẹ, tôi lại là người phụ việc giúp bà nội chữa trị thuốc thang cho các cô sau mỗi trận đòn tra khảo của bọn chúng. Mỗi lần làm thuốc, nhìn thấy những vết lằn roi tím bầm ngang dọc; những mảng máu ứ đen như cộm cháy trên lưng, trên người các cô, bà nội rưng rưng nước mắt; tôi ước ao mình có phép lạ, để lớn thật nhanh thành chàng Lục Vân Tiên giúp bà nội, giúp các cô bẻ giò, bẻ tay bọn hung đồ.

Một tuần sau, cô Bốn Tranh bảo bà nội đưa tờ cáo triệu tập của quận trưởng và các cô yêu cầu bọn chúng phải trả hai bà cháu tôi ra ngoài, chứ không được giam giữ bà già và con nít vô tội trong khu phạm nhân.

Với giấy trắng mực đen trên tờ cáo triệu đòi bà nội đi trại cải huấn, cùng với lời lẽ đấu tranh sắc bén, các cô lên tiếng kết tội bọn đề lao cố tình lèo lái, thủ đoạn để bắt người vô cớ.

Cuối cùng, bọn địch cũng phải trả hai bà cháu tôi trở ra trại cải huấn. Khi đi, bọn chúng cho cả lính áp giải theo kèm. Ra đến cổng quận, bà nội quay lại chỉ gậy vào mặt bọn lính, chửi thán nhiên:

- Tao già không đọc được chữ đã đành, chứ thẳng tỉnh, thẳng quận, cả tụi bay đầu một phường vô học, ngu hơn lũ chó lũ mèo, nên mới bắt bà già

con nít đi tù - Đi tiếp được mấy bước, bà quay lại đay nghiến, vừa như cảnh cáo - Hãy nhắc nhau mà nhớ, còn nợ bà mười ngày đêm ngủ tù đấy !

Bà nội dắt tay tôi đi từng bước đỉnh đặc vào hướng bầu Hà Kiêu; tên lính áp giải khoác súng lơ đãng theo sau.

10. CÁI TẮT ĐẦU TIÊN

Từ sáng sớm, nghe súng nổ nhiều phía La Nga Cao Ngạn, bà nội lo lắng và sốt ruột lắm, cứ ra vào không yên.

Cái nắng khắc nghiệt của vùng bán sơn địa đến chỗ mèo cũng há mồm le lưỡi, gà què xệ cánh ngoác mở lên trời như để kêu cứu. Một buổi trưa oi nồng ngọt ngạt đến tức thở. Khu vườn bà nội bỗng náo loạn bởi tiếng giày đinh hỗn độn, tiếng kim khí va nhau chát chúa, tiếng nói cười la lối lẫn với tiếng kêu của gà vịt nghe như vỡ chợ. Bọn lính áo quần rằn ri tuôn vào vườn đóng quân nghỉ trưa. Chúng nó tụ tập từng nhóm xào nấu ỉ xèo, tỏa hành bốc mùi thơm.

Tôi lân la tới gần một tốp lính với ý định thừa lúc bọn lính sơ hở lo ăn cơm sẽ “xoáy” của chúng nó trái lựu đạn.

- Ê ! thằng nhỏ.

Tôi giật thót khi nghe tiếng gọi đột ngột, quay lại thấy một thằng lính cao to như tên đờ tử, tóc quăn như Ma rốc, mặt mũi tím bầm như miếng thịt tái, đang ngửa phanh áo uống rượu chỗ bờ giếng, đưa tay vẫy tôi. Chắc nó là chỉ huy nên có đeo lòng thòng cái súng ngắn.

- Lại đây qua cho cái ni - Nó nói giọng lơ lớ rất khó nghe.

Tôi miễn cưỡng đi đến gần. Tay phải nó gấp một miếng mồi trong đĩa nhậu đưa lên, tay trái chìa ra cái kẹo cao su.

- Miếng gan heo rừng và cái kẹo cu su, mi ưng cái chi?

Không cần suy nghĩ, tôi trả lời ngay:

- Cái kẹo cu su.

Tên lính co tay nắm cái kẹo cao su lại, giữ giữ miếng gan heo, nói nghe có vẻ rất đạo đức và hào phóng:

- Thương mi lắm, qua cho miếng gan heo, ăn xong cho luôn cái kẹo.

Tôi gật đầu đồng ý ngay.

Nó bắt tôi há mồm để nó đút miếng gan heo; đợi tôi nuốt xong, hắn lại bảo tôi há rộng mồm bỏ cái kẹo. Bỏ xong cái kẹo vào mồm tôi, cả bọn lính bật cười hi hi về khoái chí lắm. Một thằng trong bọn lên giọng khích lệ:

- Thằng nhỏ vậy mà đã ngấm máu anh hùng, lớn lên sẽ làm đại úy. - Nói xong hắn cười hà hà.

Miếng gan heo tuy hơi khó nuốt một chút, nhưng được cái kẹo cao su ngọt thơm bù lại. Vừa nhai kẹo tóp tép tôi vừa đi vào nhà.

Hình như đang đứng chờ sẵn ở cửa, tôi vừa đặt chân vào nhà, bà nội kéo vội tôi xuống bếp, chỉ vào mồm tôi hỏi nhỏ:

-Chúng nó cho con ăn cái chi ?

Tôi khoe luôn với bà:

- Ông lính nớ đút cho miếng gan heo; đợi con ăn xong, ông cho luôn cái kẹo cao su, kẹo thơm lắm.

Mới thoáng nhận thấy nét mặt thất sắc của bà nội thì tôi đã lãnh ngay một cái tát tai nẩy đom đóm, té nhui vào kệ phen. Trong cơn giận dữ, bà nhào tới, cúi xuống túm cổ tôi kéo dậy, chỉ thẳng vào mặt, bà nói như rít qua kẽ răng:

- Dù có chết đói cùng không thèm ăn bất cứ thứ gì của quân giết người bản thù đó con ạ!

Bà giúi mạnh tôi ngã bệt xuống đất, chạy đến vợ vội con dao phay và cái thớt gọt gọt vài ba cái, khuấy một chén nước díp vào mồm bắt tôi uống. Ngậm nước đầu tiên nuốt chưa kịp đến cổ họng thì tôi đã nôn thốc nôn

tháo ra đất tất t ãn tất những gì có trong bụng, cả kẹo cao su lẫn miếng gan thâm xịt l ãy nh ãy.

L ãn đầu tiên bà nội giận dữ và đánh tôi đau như vậy. Tôi bàng hoàng chưa kịp hiểu chuyện gì, mọi việc diễn ra quá nhanh, tôi quên cả khóc. Bà nội kéo vạt yếm lau mặt mũi cho tôi, âu yếm ôm tôi vào lòng. Bà nội khóc.

Khi tĩnh tâm lại, tôi hiểu cái tát đầu tiên của bà nội dạy rằng: Bọn Mỹ - Ngụy là lũ cướp nước, bán nước và là quân giết người; tất cả những gì vấy qua tay chúng nó đều như nhuộm, bẩn thỉu.

11. GIAO BƯU NHÍ

Vào một chiều cuối tháng hai năm 1966, đang câu cá ngoài ao, nghe bà nội gọi, tôi cuồn cuộn chạy về. Vào nhà tôi thấy bà đang nói chuyện với chú Sung, trưởng Ban Giao bưu huyện Thăng Bình.

Lâu ngày không gặp, mới trông thấy tôi, chú đã khen.

-Lớn quá hè, sắp đi đánh Mỹ được rồi đấy !

Tôi vòng tay thưa chú, vừa dứt câu chào thì nghe bà nội giục:

- Đi tắm rồi vào dọn cơm, ăn tối xong chú Sung còn về Bình Phú.

Qua những câu chuyện giữa chú Sung với bà nội trong bữa cơm, tôi biết được rằng sắp tới tình hình có căng thẳng hơn, lính Mỹ sẽ tràn ngập khắp chiến trường, lữ đoàn Không Vận Số I sẽ hoạt động ráo riết ở vùng này; đặc biệt có bọn Biệt kích Mỹ (thường gọi Mỹ lết) với nhiều mảnh khỏe mà mãnh lẫn quật khắp bụi bờ. Nếu ta sơ hở là bị chúng nó vồ ngay.

Sau bữa cơm trong khi ngồi uống nước, bà nội hỏi sang tình hình cơ quan Giao bưu, chú Sung kể nhiều chuyện rất vui: Có cả chuyện đêm tối đi qua đường dây bị lạc hướng đi nhầm vào Ấp chiến lược, cải trang thành lính ngụy đi bám địch gặp phe mình bao vây bắt sống... Chuyện nào cũng ly kỳ hấp dẫn. Quay lại chuyện chiến sự, chú Sung nói:

-Trong tình hình này, anh em Giao bưu bọn con hoạt động rất khó, khi cần phải đi vào ban ngày thì chỉ có con nít và phụ nữ cải trang hợp pháp mới qua mắt được bọn chúng - Ngừng lại hớp thêm ngụm nước, chú nói tiếp - Mà phụ nữ thì phải làm sao cải trang thành dì thật xấu xí, nếu không thì khi gặp lính Mỹ, háu nhất là bọn Đại Hàn, coi như toi đời con gái.

Bà nội ngồi tỏ vẻ lo lắng; tôi đứng cạnh bà chăm chú lắng nghe chuyện. Chú Sung nhìn tôi hỏi nửa đùa nửa thật:

- Thằng Lực thích làm lính Giao bưu không? Lính Giao bưu cực mà vui lắm!

Bà nội nói đỡ lời tôi:

- Còn phải nói nữa, thấy bộ đội giải phóng về là đeo theo như đĩa đói - Hình như đang đà nói, bà “tô” luôn một thôi một h ấ - Trốn ra Gò Móc lượm Rốc-két giấu để làm mìn, lén đổ nước vào súng của Cả Vàng du kích để nó tháo ra chùi coi chơi, r ấ rủ thằng Bườn cưa phụt xe chế súng bắn đạn, chừ còn xì x ồ học nói tiếng Mỹ nữa. Coi bộ tao không nói nổi nó!

Chú Sung nghe thế khoái chí cười hà hà, nói chen ngang:

- Thế thì mẹ giao nó cho con đi! Bọn con vừa dạy nó đánh Mỹ vừa dạy học chữ. Mẹ khỏi lo!

Chú Sung nói chưa hết câu, bà nội gạt lời ngay:

- Nói t ầm bậy ! Tao nuôi nó từ khi mới lên bốn tuổi, chừ lớn đến chừng nó đó; ở nhà chỉ còn có hai bà cháu, nó theo tụi bay thì tao ở với ai - Bà kéo tôi lại gần với tay xoa đầu tôi - Thằng Sáu Tây chỉ có một mống ri đây.

Trời sắp tối, chú Sung đứng dậy khoác súng, chào hai bà cháu tôi r ấ ra đi. Bà nội dặn với theo:

- Xuống Bình Định r ấ đi vô lối c ầi Hà Châu, tuy xa nhưng dễ đi; đừng tắt đường xuống Đông Tiến để bị phục kích nghe con!

Chú đi r ấ tôi cảm thấy tiếc. Nếu chú ở lại nài nỉ thêm vài câu nữa, thì biết đâu bà nội xuôi lòng cho tôi đi theo chú làm lính Giao bưu. Để bà nội ở nhà một mình thì tội nghiệp bà, nhưng dăm ba bữa tôi có thể về thăm và kể chuyện đánh Mỹ cho bà nghe .

Một tuần sau, các xã Bình Lãnh, Bình Trị và Bình Định bị một trận càn lớn. Bọn Mỹ đổ bộ từ Núi Gai đánh vào La Nga Cao Ngạn, đập băng qua Nồng Còi-Hóc Tây, dọc Xuống C ầi Tây r ấ tập kết về đ ầi C ầi Đạo. Trong trận

chống càn lần ấy, bác Năm tôi bị bọn chúng bắn chết rồi dìm xác xuống Vũng Ghềnh, mãi đến ba ngày sau mới tìm thấy.

Tìm được bác Năm về chôn cất xong, trông bà nội xác xơ như tàu lá chuối sau trận gió Nam. Bà đã kiệt sức vì chịu đựng: Bác Ba biệt tích ở nhà lao Hội An, bác Tư bị chôn sống ở Dốc Tranh, giờ bà nội lại mất thêm bác Năm nữa. Ở tuổi bảy mươi gánh phải nỗi đau quá lớn, bà nội ốm nằm liệt giường cả tuần. Ai cũng tưởng bà sẽ suy sụp và khó qua nổi.

Những ngày bà nội đau ốm, các cô chú cán bộ thường xuyên về thăm và thuốc thang cho bà, có cả chú Sung Giao bưu nữa. Tuy bà nội ốm nặng, nhưng tôi cảm thấy yên tâm bởi chung quanh bà cháu tôi còn có tình thương của Cách mạng và bà con làng xóm. Ai cũng động viên an ủi tôi rằng: "Con cứ yên tâm, có chi còn các cô các chú!".

Rồi những hiểm nghèo cũng qua đi. Bà nội hồi phục dần, độ mười ngày sau bà đi lại được từ nhà ra hẻm và cố ăn được vài lưng chén cháo. Những ngày này tôi cứ quần quanh trong nhà, ngoài vườn chứ không đi chơi đâu xa. Không biết có phải vì nhận thấy tôi đã lớn rồi, hay vì buồn phiền phải nằm hoai trong cảnh ốm đau, mà bà hay kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện về gia đình: Ba tôi là cán bộ thoát ly, bị địch bắt ở tù khi tôi mới sinh; rồi bà và mẹ tôi phải sống ra sao trong thời kỳ Tố Cộng của chính quyền Ngô Đình Diệm. Và đặc biệt, bà kể rất nhiều và rất kỹ những chuyện buồn thương về mẹ tôi, khi mẹ tôi bấm bụng gửi tôi lại cho bà nội nuôi để rồi nuốt nước mắt cất bước sang ngang.

Vừa mới khỏi bệnh, bà nội bảo tôi sang gọi cô Bảy về có chuyện cần (Cô Bảy lấy chồng ở xóm bên). Cô Bảy vừa về chưa kịp thăm hỏi gì thì bà mời cô ngồi xuống ghế. Mỗi lần như thế là có chuyện hệ trọng lắm, lần này bà bảo cả tôi ngồi vào nữa. Tôi không dám ngồi mà chỉ đứng tựa vào cô Bảy. Hai cô cháu hồi hộp chờ đợi. Bà nhìn ra hướng cửa, ánh mắt xa xăm, nói chậm rãi:

- Năm nay thẳng Lực mười hai tuổi, nó đã lớn lắm rồi - Bà ngừng một lúc, rồi quay lại nhìn tôi từ đầu đến chân như thử cân đo đong đếm, sau đó quay sang phía cô Bảy - Nghĩ kỹ rồi! Mẹ không thể giữ nó được nữa!

Mới nghe như thế, cô Bảy ngoái nhìn tôi chăm chăm, chắc là tôi đã gây ra cho bà những chuyện gì tai quái lắm. Tôi nhồm dậy. Bà nội đưa tay vẫy xuống, như ngầm bảo hãy yên lặng ng ồi nghe bà nói:

- R ồi sẽ còn ác liệt nữa, nhà n ầy không thể chết hết được, nuôi thì dễ nhưng để sống nên người mới khó - Bà nói rành rọt từng câu một - Bà cho thằng Lực đi theo chú Sung làm Giao bưu.

Chuyện chỉ có thế!

Nghe bà nội nói thế, cô Bảy tròn xoe mắt hết nhìn bà lại nhìn tôi; còn tôi thì ng ồi ngó ra, chưa kịp phản ứng trước quyết định đột ngột của bà, chỉ kịp thốt lên một tiếng “Nội ơi!” như vừa biết ơn, vừa khẩn c ầu.

Bà nội không đưa tay vò đầu tôi như mọi khi, mà nhìn tôi một cách triou mến, với một giọng nói nghiêm nghị như răn dạy học trò:

- Con phải sống với các cô, các chú ấy mới nên người được, mới biết thế nào là nợ nước thù nhà - Tôi chăm chú nghe bà nói như muốn nuốt từng lời - Ở Giao bưu con phải biết vâng lời, siêng năng đi công tác, chăm chỉ học hành. Khi mô có dịp đi lên phía trên nì thì ghé về thăm bà.

Sau đó bà bảo cô Bảy xuống chợ Vinh Huy may ngay cho tôi hai bộ quần áo vải Ka-tê màu xanh và mua một đôi dép cùng với một số đồ dùng cá nhân khác. Tôi thật sung sướng, tự nhiên cảm thấy mình trở thành người lớn.

Hai ngày sau, chú Sung đến đón và dẫn tôi về Căn cứ Phước Cang Đồng Linh ở xã Bình Phú. Bà nội chống gậy tiến đưa tôi ra đầu ngõ. Đến khúc cua đầu làng, tôi ngoái nhìn lại thấy bà nội đưa tay lau mắt.

Từ hôm đó, cơ quan Giao bưu huyện Thăng Bình có một chiến sỹ nhí vừa bước vào tuổi mười hai.

12. VỚI BÀ

Dù đã trở thành chiến sỹ Giao bưu, nhưng với bà nội tôi vẫn là một đứa bé con thơ ngây và là đứa cháu nội tội nghiệp của bà. Ở cơ quan, tôi cũng được gọi là Đồng chí, nhưng có kèm theo tiếng “nhỏ”. Mỗi khi tôi buồn nhớ bằng quơ, các chú thường hay trêu tôi rằng: “Đồng chí nhỏ hay khát sữa! Sắp tới sẽ tuyển luôn bà nội vào Giao bưu làm vú em cho “Đồng chí cháu” khỏi nhớ.”

Những ngày đầu tiên ở cơ quan Giao bưu, tôi chưa được phân công đi xuống tuyến xã, mà chủ yếu là lên nối với đường dây Giao bưu tỉnh ở trạm Kỳ An và chạy công văn giấy tờ trong khu căn cứ Phước Hà.

Từ ngày vào Giao bưu, tôi như cậu bé được lột xác. Thời gian hoạt động chủ yếu của tôi là vào ban ngày, tung tăng khắp nơi, đi lại như con thoi, lội suối trèo đèo nhanh hơn người lớn. Súng ống, đạn dược là những loại thiết một trăm phần trăm, chứ không như mấy thứ đồ chơi bằng bẹ chuối, mo cau, ống phóc và súng tự tạo như khi còn ở nhà.

Công việc của một người Giao bưu đối với tôi là cả ngày rong ruổi, không còn thời gian để buồn, để nhớ. Nhưng cứ đêm đến, là tôi lại trở về với thế giới của hai bà cháu nơi ấy: Mặt nước ao, một góc vườn, câu hát ru bỗng trỗi mỗi tối... Nao lòng nhất là cảnh u tịch của núi rừng trong những chiều mưa làm cho nỗi buồn như nhào ra; cảnh đêm khuya thanh vắng nghe tiếng chim kêu lạc bầy làm cho nỗi nhớ như dày thêm. Tôi nhớ bà nội quay quắt. Ngày ở nhà, đi đâu tôi cũng có bà nội, tối ngủ có bà hát ru bằng các truyện thuyết. Nay là chiến sỹ Giao bưu rồi, nhưng tôi chưa bao giờ phải ngủ một mình; không có chú Sung, anh Thóc thì cũng có chị Hội, chị Phong ở bên cạnh. Dù là thế, nhưng gần như đêm nào giấc ngủ đến với tôi cũng chìm trong nỗi nhớ chập chờn.

Cơ quan Giao bưu là nơi đầu mối đi lại, nên những ngày ở đó, tôi thường xuyên nhận được những lời nhắn gửi hỏi thăm, nhắc nhở của bà nội, nhờ thế mà hình ảnh bà luôn gần gũi bên tôi. Thi thoảng có ai trong đơn vị đi

công tác cánh Bình Trị gặp bà, là y như rằng bà đã để chõ sẵn trong nhà, gói gửi cho tôi vài miếng kẹo đậu phụng hoặc lon bắp rang ngào đường.

Không bao lâu, tôi đã quen dần với công việc của người Giao bưu, được cử đi công tác độc lập, chủ yếu đi hợp pháp vào ban ngày; những chuyến công tác ban đêm thường đi kèm với các chú, các anh chị trong đơn vị.

Sáng sớm hôm ấy, tôi được cử đi công tác các xã cánh Tây. Trước khi đi, chú Sung mở ba lô lấy trao cho tôi một chai rượu thuốc và dặn:

- “Đồng chí nhỏ” cố gắng chạy nhanh công việc, rồi kết hợp ghé về thăm bà nội, nói rằng chú Sung đi vùng sâu lên có chai rượu gửi biếu bà; được phép ở nhà với bà một đêm, sáng hôm sau trở về cơ quan sớm.

Được lệnh như thế, tôi mừng rơn. Khẩn trương nhận đủ tài liệu, phân cho các xã xong là tôi vọt lên đường ngay lập tức. Niềm vui trong công việc cùng với niềm vui sẽ được gặp bà như nâng bổng bước chân.

Đến gần trưa, tôi đã giao xong tài liệu cho hai xã Bình Định và Bình Trị, đạp băng qua Gò Móc định ghé về nhà bất ngờ cho bà vui, nhưng bà lại không có nhà. Máy người hàng xóm nói rằng bà vừa mới đi đâu đó lúc nửa buổi. Tôi vào nhà cất chai rượu, nhắn lại cho bà mấy câu rồi đi tiếp lên Bình Lãnh.

Đến xế chiều, mọi công việc đã giải quyết xong, tôi trở về nhà thăm bà nội. Bà nội ngồi chờ sẵn ở bậc cửa, đón tôi với nụ cười rạng rỡ. Mới đi xa chưa giáp tháng mà tôi cứ tưởng đã lâu lắm mới được trở về. Bà nội ở nhà vẫn khỏe, cảnh nhà cửa cũng y như thế. Tôi nhìn chung quanh, bắt gặp tuổi thơ mình được lưu giữ nguyên vẹn. Tuổi thơ vắng nhà, đồ chơi buồn như ngái ngủ: Hai cái cần câu và cái bẫy chim, bà nội cuộn lại gác lên mái tranh; cái ống phóc và mấy khẩu súng tự tạo, bà cột treo lưng lửng nơi đầu kèo nhà; bên chái bếp, vẫn đôi trạc tre nhỏ lồng vào nhau y như tôi vừa mới quảy về lúc ban chiều... Tất cả như đang chờ đợi tôi về để đưa chúng ra ao, ra vườn với cánh chim, con cá. Chỉ duy nhất có cái khác lạ, là bà vừa nhờ người đắp thêm cái hần kèo chữ A ngoài bụi tre đầu ngõ. Đạo rày, bọn địch thường hay bắn đại bác càn canh trong đêm, nên tối đến bà nội không ngủ trong nhà như mọi khi mà ra ngủ ở hần kèo.

Bà nội chuẩn bị sẵn bữa cơm tối sum họp của hai bà cháu bằng một nồi cháo ốc đá cực ngon, có thêm con cá trê nướng tấm nên phi dầu phụng. Món ăn nguyên thủy đượm hương vị đồng quê suốt đời tôi để nhớ. Bà nội hỏi tôi đủ thứ chuyện ở cơ quan, từ những chuyến công tác, đến học hành rồi sinh hoạt hằng ngày. Tôi xì xụp ngon lành như thể bị bỏ đói lâu ngày không bằng, vừa ăn, vừa kể chuyện đi liên lạc cho bà nghe: Nào là đón các chú qua dốc Kỳ An, u một lèo, “Giao liên nhí” đã đứng đầu dốc nhìn các chú vừa đi vừa thở; rồi đến việc học bắn súng; tập xác định hướng trong đêm... Bà nội thích nhất là chuyện những hôm không đi công tác, tôi sang bên mấy chú ở Ban Tuyên huấn, tập viết truyện đơn, in ly-tô, đóng gói tài liệu. Bà nội ngẩng nghe tỏ ý rất vui, thỉnh thoảng còn cười và khen: “Cháu của bà giỏi lắm!”.

Ăn tối xong, bà nội cho phép tôi sang thăm mấy đứa bạn cùng xóm, và không quên nhắc tôi, nhớ về ngủ sớm để mai còn trở lại cơ quan đúng hẹn.

Lâu lắm tôi mới được ngủ với bà nội. Bước vào căn hăn kèo ấm áp trong ánh sáng quen thuộc của mấy ngọn nến, tuổi thơ tôi lại ùa về trong cái không gian nhỏ hẹp ấy - Bên cạnh cái gối mây bà nội thường dùng vẫn có chiếc gối nhỏ của tôi nằm kề bên như mọi khi, trong góc hăn có đôi dép nhỏ vệt mòn của tôi để ngay ngắn cạnh nắm võ đạn đủ loại.

Với bà nội, tôi chẳng đi xa bao giờ. Bà nội lại hát ru như mọi khi, giấc ngủ đến với tôi êm đềm như dáng bụi, bóng tiên trong các truyện thuyết.

13. BÀ VÀ MẸ

Sau tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, tình hình chiến trường có nhiều thay đổi. Việc đi lại trong vùng giải phóng gặp nhiều khó khăn, cải trang đi hợp pháp ban ngày cũng rất nguy hiểm. Vùng đồng bằng và trung du, quân Mỹ dùng máy bay trực thăng cơ động chụp quân bất ngờ; vùng miền núi, biệt kích Mỹ lùng rúc khắp mọi ngõ ngách để đột kích bất ngờ vào các cơ quan đầu não của ta. Trước tình hình ấy, Huyện ủy Thăng Bình quyết định rời căn cứ Linh Cang, phân tán các cơ quan vào trong dân. Có thời kỳ cánh Giao bưu phải dạt ra tới vùng Châu Đức giáp huyện Quế Sơn, để phục vụ chỉ đạo tác chiến của Huyện ủy. Lực lượng Giao bưu buộc phải chia mỏng trên khắp huyện, lính Giao bưu bị thương hết lượt, có người đã mấy lần; anh Tròn, anh Thức rồi đến chú Sung lần lượt hy sinh dần trong mỗi đợt công tác. Giữa lúc ấy, huyện ủy và các chú ở cơ quan Giao bưu quyết định chuyển tôi đi miền Bắc.

Không ai lý giải nhiều cho tôi về công việc phải làm, mà chỉ xác định rõ một đi đâu đã thành nguyên tắc: “Đi miền Bắc là một nhiệm vụ chiến đấu”. Hình như trong cơ quan chưa ai có thể hình dung chuyến đi của tôi sẽ như thế nào. Với số lương lương thực, lương khô mang theo đủ ăn mấy tháng, áo quần, tăng võng, bình toong, ăng gô...khoác một ba lô mấy chục ký trên lưng, tôi biết chắc rằng mình chuẩn bị để đi vào một chặng đường rất dài và nhiều gian khổ. Tôi bắt đầu có nhận thức lơ mơ về khái niệm “Vượt Trường Sơn”.

Trước khi lên đường, tôi được phép nghỉ hai ngày để về thăm và tạm biệt bà nội. Khi nghe tôi báo tin này, bà nội ngỡ trăn trối, không có một phản ứng gì. Tôi không thể biết được bà vui hay buồn. Nhưng với phong thái điên nhiên của bà như thế, tôi đoán được bà đang nghĩ đến một đi đâu gì rất hệ trọng, hơn cả chuyện bà quyết định cho tôi đi Giao bưu.

Bà nhìn tôi rất lâu rồi với giọng xúc động:

- Bà đã biết. Cách đây mấy tháng, trước khi hy sinh mấy hôm, chú Sung có ghé qua đây nói với bà rằng, nếu tình hình quá ác liệt, thì các chú có ý định như thế. Việc đánh Mỹ coi bộ còn lâu dài.

Việc đầu tiên bà nội bảo tôi làm là thống kê hết những gì đã chuẩn bị được ở cơ quan, để bà còn lo sắm thêm mấy thứ cần thiết cho chuyến đi xa. Sau một ngày tất bật với công việc chuẩn bị, tối đến bà nội ngồi lại soạn ra mọi thứ, bày vẽ cho tôi tỉ mỉ. Trước tiên bà nội thay toàn bộ đồ dùng tư trang có thể thay thế được bằng chất liệu ni lông và đồ nhựa, theo bà thì để cho nhẹ khi đi đường. Sau đó bà chỉ từng gói nhỏ như gói đồ chơi và bày cách dùng khi cần thiết: Muối trắng và vôi kèm theo miếng vải dù pháo sáng là để chống vắt rừng; gói thuốc tễ màu đen có mùi tanh là mỗi ngày uống một viên để phòng chống ngã nước (sốt rét), tuýp đá lửa còn dùng để đốt cái ăn trên vùng đồng bào Thượng, mấy lọ nước, lọ dầu, mỗi loại là một công hiệu khác nhau...

Bà nội nói rành rẽ như đang giảng bài. Tôi ngồi chăm chú, mắt nhìn, tai nghe và cố ghi nhớ từng lời. Sáng hôm sau bà còn lần vào núi đem về cho tôi xem mẫu một số loại lá rừng có tác dụng phòng chống rắn, rết, chữa nhức mỏi chân tay, có thể hái ở dọc đường rừng và bày vẽ cách sơ chế để sử dụng ngay sau mỗi ngày đi đường. Tôi bỗng có một ý nghĩ ngộ nghĩnh là mình sắp có chuyến phiêu lưu kỳ thú; còn bà nội thì chưa đi miền Bắc bao giờ mà thông thạo cứ như đã từng trải qua muôn dặm núi đồi.

Buổi chiều trước ngày tôi trở lại cơ quan Giao bưu để bắt đầu chuyến đi miền Bắc, bà nội làm thịt gà dọn một mâm cơm cúng ông bà, cầu mong phù hộ cho tôi lên đường bình yên. Trước khi lên hương đèn, bà nội bảo tôi:

- Con sang gọi mẹ về đây cho bà, về trước khi trời tối, dạo này bọn chúng hay cất bom trộm, không chong đèn ban đêm được.

Tôi ngạc nhiên đến sững sờ. Lần đầu tiên tôi được nghe bà nói như thế.

Tôi còn nhớ, trong một đêm trước khi đi Giao bưu, tôi có nghe bà kể nhiều về mẹ. Bà còn thương mẹ, nhưng vì hoàn cảnh nên đã từ bỏ mẹ lâu rồi. Hôm nay đột nhiên nghe bà nội bảo “sang gọi mẹ về”.

Tôi cứ ngờ ngợ, chưa hiểu bà nội đang có ý định gì. Thực tình chưa nói cho bà biết, nhưng trong hai ngày vừa rồi, tôi có sang thăm mẹ mấy lần; chỉ có đi đâu là tôi chưa nói gì với mẹ về chuyện sẽ đi miền Bắc nay mai. Thấy tôi còn chần chừ, bà nhắc lại:

- Sang gọi mẹ về ngay cho bà!

Tôi băng qua Gò Giữa rồi tắt vào Vườn Nghiêm để đi cho nhanh. Nghe nói bà nội gọi, mẹ cũng rất ngạc nhiên, vợ quàng cái mũ có mấy chong bánh trắng bung đi ngay. Hình như mẹ sốt ruột hơn là mừng:

- Bà đang làm gì bên nớ hả con?

- Dạ, bà đang cúng.

Hai mẹ con dắt nhau vào đến sân. Bà nội đứng chờ, trông chừng hơi sốt ruột. Bà nói ngay với giọng rất thành tâm:

- Hai mẹ con vào thắp hương vái lạy ông bà trước khi đi xa, cầu xin mọi sự bình yên, bước đi ngàn dặm chân cứng đá mềm - Mẹ đứng nhìn bà trân trân vì chưa kịp hiểu bà đang nói gì - Ngày mai thằng Lực đi miền Bắc ở với Bác Hồ. Trường kỳ kháng chiến nên phải đưa nó đi.

Mẹ hết nhìn bà nội lại nhìn tôi ngờ ngác. Sau khi nghe tôi nói lại và giải thích thêm, mẹ đã hiểu ra sự việc. Một việc rất hệ trọng. Mẹ lặng lẽ nắm tay tôi dắt đến trước bàn thờ, rồi ngối bệt xuống đất, chắp hai tay trước ngực, ngược nhìn lên với đôi mắt ướt đầm. Được ngối bên mẹ như thế, tôi cảm thấy thật hạnh phúc và thiêng liêng. Bỗng nhiên, mẹ ôm tôi rồi òa khóc. Không một tiếng nói, không lời thở than, chỉ có nước mắt hòa nước mắt, như để tuôn nỗi lòng oan ức bị dồn nén cả chục năm nay.

Nếu bà nội không lên tiếng, thì không biết hai mẹ con còn ngối khóc như thế đến bao giờ:

- Không khóc than gì nữa, thống nhất rồi sẽ đón nó trở về coi như nó vẫn ở Giao bưu, không được nói với ai là nó đi miền Bắc - Bà bước lại tắt

hương đèn, ra hiệu bảo mẹ dọn dẹp - Ăn tối xong cho hai mẹ con ôm nhau ra ngoài hắt thở hắt mà khóc cho hết đêm.

Bữa cơm tối hôm ấy chỉ có bà nội, mẹ và tôi, nhưng tôi cảm thấy thật đầy đủ và đầm ấm. Bà nội bảo là “ Bữa cơm chia tay”, còn mẹ thì bảo “Bữa cơm đoàn viên”. Riêng đối với tôi, gọi như thế nào cũng có ý nghĩa tốt đẹp.

Đêm hôm ấy, trong căn hắt kèo, tiếng bà đan xen trong tiếng mẹ, đưa tôi về một thời kỳ niềm buồn vui. Tôi thả hắt hít thở bầu không khí hạnh phúc tuổi thơ từ lồng ngực tròn căng của mẹ; lắng tai nghe hơi thở ấm áp của bà; chỉ tiếc rằng căn hắt quá chật, không đủ chỗ cho tôi bay nhảy, vẫy vùng cho thỏa thích. Hạnh phúc nhất đời tôi là đã có được một giấc ngủ bên bà, bên mẹ trong căn hắt kèo nơi đầu ngõ trên quê hương trước lúc đi xa. Chỉ cần một đêm như thế là tôi có đủ sức lực vượt dặm ngàn ba tháng qua Trường Sơn.

14. CHUYỆN KỂ TỪ KHU DỒN

Năm tháng sống trên miền Bắc, những người con quê hương miền Nam như chúng tôi được đồng bào hậu phương đùm bọc nuôi dưỡng, chữa bệnh, học tập. Tất cả đều có chung tâm trạng hướng về miền Nam thân yêu. Đã ba năm tôi biệt tin nhà, không biết chính xác bà nội đang sống ở đâu; những lá thư gửi về quê bằng nhiều con đường như lạc vào cõi hư vô. Tình hình quê hương nói chung, tôi chỉ nắm bắt qua đài phát thanh, sách báo hay những câu chuyện kể - Chiến trường miền Nam từ 1970 trở đi đang ở giai đoạn khốc liệt nhất của cuộc chiến. Bọn địch ra sức thiết lập hệ thống vành đai trắng với những vùng đất không người, bà con dân làng ở vùng giải phóng cũ bị lừa hết vào các khu dõn dân.

Mùa hè năm 1972, gặp dịp may hiếm có, tôi bám theo đoàn cán bộ của Ủy ban Thống nhất Trung Ương đi làm nhiệm vụ trao trả tù binh ở T 72. Tại đây tôi gặp được người cùng làng, từng là cơ sở nội tuyến của Cách mạng tại Thăng Bình trong những năm sau bảy mươi. Tôi được nghe kể nhiều chuyện của bà nội tại chi khu I Hà Lam:

Cuộc sống ở khu dõn mang tính chất trại lính hơn là khu dân cư, những ngôi nhà dã chiến san sát nối tiếp nhau, nếu gọi là lều trại thì đúng nghĩa hơn là nhà. Cuộc sống của mọi người ở đây được duy trì tạm bợ với những ký gao gọi là cứu tế hằng ngày và những khoản mua bán trao đổi lặt vặt giữa bà con với nhau, chủ yếu là tương trợ nhau trong lúc ngặt nghèo. Mọi sinh hoạt đi lại trong khu dõn đều có sự kiểm soát gắt gao của chính quyền ngục. Bà cũng cùng chịu cảnh cá chậu chim lồng như mọi người.

Một thân một mình đơn chiếc giữa nanh vuốt của kẻ thù, nhưng bà lại có được sự đùm bọc giúp đỡ của bà con xóm giềng. Chính cuộc sống cơ cực giam hãm như trại ty nạn, nên với mọi người trong chi khu, bà trở nên người bà, người mẹ thân thiết như một lẽ tự nhiên của bản năng sinh tồn.

Hàng trăm con người trong cảnh tù túng, chật hẹp lâu trại, túng thiếu từng nắm rau, gạo nước, nên bệnh tật phát sinh quanh năm là chuyện thường - nhất là trẻ con và phụ nữ. Bà vẫn cần mẫn làm nghề thuốc Nam gia truyền màu nhiệm như một lương y từ thiện cho mọi nhà. Trẻ em đưa nào chốc, ghẻ, sài, đẹn ...bà lấy một vài loại hạt cây cỏ đem rang cháy, tán nhỏ, đốt giấy vàng bạc có trứng tằm hoặc vỏ kén hòa với dầu dừa bôi vài lần là khỏi. Các mẹ, các chị nếu có vấn đề gì không ổn của phụ nữ, thì tìm đến bà, bà gói cho vài loại lá khô gọi là kim cang hay bướm trắng, tía tô gì đó, sắc uống vài ba lần là bình yên. Một ve nước màu vàng chanh được chưng cất từ một loại dây leo có lông mịn ngoài gò lấy về, bà quẹt vài lần lên mắt là hết bị chứng mắt đỏ. Ai té ngã trật xương, bong gân... bà hái mấy loại cỏ lá đem giã với muối bó vào chỗ đau rồi hơ lửa ít ngày là đi lại bình thường. Lũ con nít rất mến bà nội vì bà có nhiều chuyện đời xưa, lại còn biết hát thơ về các tuồng, tích lâm ly kỳ ngộ; chúng nó cũng là đám “lâu la” chuyên đi hái cây thuốc, tìm giấy gói về cho bà. Người lớn, người già thì kính nể tin yêu bà, họ bảo rằng bà có mẹo chữa bệnh dân gian, với bà tất cả các loại cây lá cỏ rác, kể cả côn trùng giun, dế... đều là những vị thuốc quý.

Dùng thuốc của bà hầu hết mọi người phải đến trực tiếp. Chính vì vậy mà trong khu dõn, chỉ có mỗi chỗ ở của bà là nhiều người tới lui hằng ngày mà không sợ nghi kỵ rình mò của mật thám, có hôm còn có cả người lạ khác vùng khấn gói đến trao đổi các loại cây thuốc.

Nhưng rồi bọn địch cũng bắt đầu nghi vấn chỗ ở của bà có thể là đầu mối liên lạc giữa các cơ sở Cách mạng trong vùng, nên bọn chúng bắt đầu rình mò theo dõi. Chính bọn nhỏ trong khu dõn vô tình phát hiện được và báo cho bà biết, mỗi lần bà đi đâu và làm gì hình như có mấy tên mật vụ lạ mặt bám theo.

Ít lâu sau, tự nhiên trong khu dõn lan truyền nhiều ngu ồn tin hư hư thực thực làm xôn xao mọi người, nhất là mấy gia đình tề nguỵ: Cháu nội của bà, từng là chiến sĩ Giao bưu, nghe tin đã ra miền Bắc học ở trường Thiếu sinh quân từ năm 1968; đi biệt ba bốn năm, nay bỗng nhiên xuất hiện trong một băng bụi đen, hoạt động từ Hương An đến Quán Gò, cô hồn trộm cướp với dân lành thì chưa thấy, nhưng tấn công xe nhà binh, cảnh sát là

“trò chơi” hằng ngày; nghe nói vừa qua còn thách đố nhau bắt tên ấp trưởng ở Ngọc Khô trời lại, cho uống nước cống ngay giữa ban ngày. Đội công tác do con trai bà chỉ huy thường xuyên đột nhập vào khu huyện lỵ. Những tin đồn như thế dần dần có thực. Truyền đơn của Giải phóng xuất hiện khắp nơi; những tờ cáo thị, cảnh báo đêm đêm xuất hiện trước cửa nhà những tên ngụy quân, ngụy quyền có máu mặt.

Nghe tin như thế, bọn chức sắc trong ban quản khu, lính tráng bảo an, nghĩa quân khi gặp bà là tìm cách né tránh, chúng ngại va chạm với bà, dẫu nào cũng tìm cách giữ lấy thân.

Bọn địch biết bà không phải là một bà lão bình thường trong khu d'ôn, mà là một đầu mối quan trọng có gốc rễ của Cách mạng, để bà ở đấy không có lợi, muốn tìm cách bắt bà để quản thúc, nhưng không có chứng lý; còn giết bà công khai thì không d'ưa nào dám làm, vì chúng cảm thấy hình như quanh bà có một thế lực vô hình với những hòng súng lạnh lùng bất ngờ kẻ vào sườn lúc nào không hay.

Vào một buổi sáng, khoảng cuối năm 1971, cả khu d'ôn trở nên huyền ảo bởi cảnh bố ráp, khám xét bất ngờ trong toàn khu. Quanh chỗ bà ở, từ sáng sớm đã có mấy tên mật vụ lang vãng nhòm ngó. Bọn địch huy động lính tráng, điệp t'ệp, chia thành hai phía, khám xét theo cách cuốn chiếu, đến chỗ bà ở là nơi tiếp giáp cuối cùng. Căn l'ều của bà bị vây quanh, vòng trong là lính ngụy, bên ngoài là bà con trong khu tập trung đến. Ai cũng cảm thấy lo lắng, sợ bà gặp chuyện chẳng lành. Tất cả mọi người nháo nhác chờ đợi. Bà vẫn ng'ời nhai tr'ầu đi'ền nhiên coi như không có chuyện gì xảy ra chung quanh, bên cạnh bà vẫn để cây gậy mây như một vũ khí bất ly thân.

Hình như bọn địch đánh hơi thấy trong l'ều của bà đang cất dấu thứ gì đó rất quan trọng. Tên chỉ huy cất cao giọng:

- Theo lệnh của quận trưởng, xin được khám xét nhà bà!

Bà nội trả lời rất ôn t'ôn và tỏ thái độ rất thiện chí:

- Xin mời các th'ầy cứ tự nhiên; khám xong ở đây, về khám kỹ lại nhà mình, có khi Việt cộng ng'ời ngay trong buồng đấy.

Sau một hồi lục soát không tìm thấy thứ gì khả nghi, tên chỉ huy chỉ vào cái gói bao cát vuông vức như cái gối bà đang kê để ngủ:

- Nhà bà có cất dấu truyen đơn.

- Súng gươm thì không có, chứ truyen đơn thì gia này có khối ra đấy.

Tất cả mọi người tròn mắt khi nghe câu nói của bà. Vừa dứt câu nói, bà chống gậy đứng lên, đập đập cái gậy vào cái bao cát. Bọn lính giãn ra trong chốc lát, rồi hai tên cùng a lại dốc ngược cái bao cát bà vừa ngủ. Hai cuộn giấy tròn lăn ra đất giữa sự im lặng đến nghẹt thở của mọi người. Tên chỉ huy vội lấy như thấy của quý, mở vội ra. Đột nhiên mặt nó dài thườn, mồm nhũn như cái bánh tráng nhúng nước. Đúng là một bó truyen đơn dày trục, nhưng là truyen đơn kêu gọi chiêu hồi của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, tất cả bị xé đôi. Bị một võ lừa quá bất ngờ, tên chỉ huy đứng há hốc mồm như mắc phải lưới câu trong họng, chưa biết nói gì, làm gì với gói giấy lộn trong tay.

Bà mỉm cười, nói trống không:

- Đừng có mà lấy đi, để đó còn nhen lửa và gói thuốc ghê cho người ta!

Tên chỉ huy ngậm đắng nuốt cay, chửi thề một tiếng lấy oai, rồi phẩy tay ra hiệu cho đám lính lui nhanh.

Kết cục quá trình lùng sục khám xét là một buổi sáng ồn ào trong khu dõn, quan quyền, lính tráng lặng lẽ rút lui trong hoài nghi tức tối; bà con trong khu dõn nhìn bà với ánh mắt thán phục, đồng thời cũng hết sức lo lắng nhận ra nhiều cạm bẫy nguy hiểm đang bủa vây bà. Nhất định sau khi thua đau lần này, bọn chúng sẽ không từ bỏ một dã tâm nào đối với bà.

Kể từ ngày ấy, bà sống không cố định và cũng không ở đâu lâu quá vài ba ngày. Bà con trong khu dõn bảo lũ trẻ nhỏ vừa chơi vừa canh chừng, không cho bà đi khỏi khu dõn, nhất là vào ban đêm.

Trước tình hình như thế, bà không thể duy trì là một hộp thư mật nội tuyến được nữa; mặt khác, bọn địch đang tìm âm mưu giết bà, nên cơ sở ở Hà

Lam có kế hoạch chuẩn bị đưa bà ra vùng giải phóng trong dịp tết Nhâm Tý 1972.

Người cùng quê với tôi chỉ biết chuyện về bà nội đến thời gian đó là như thế, còn những năm tháng tiếp theo sau mùa xuân Nhâm tý 1972, thì phải tìm về đâu mới cơ sở tại Hà Lam, huyện Thăng Bình.

15. NGÀY BÀ TRỞ VỀ

Ngay sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, từ miền Bắc trở về, tôi nhận được tin buồn: Bà nội mất tích! Một nỗi đau quá lớn. Đối với tôi, bà nội còn là một người mẹ.

Bà con làng Việt sơn kể lại rằng:

Vào những năm 1970, tình hình chiến trường miền Nam rất ác liệt, vùng Bình Trị quê hương tôi cũng như nhiều nơi khác, trở thành vùng đất trắng. Bà nội cùng tất cả dân làng bị địch lừa xuống sống trong khu dõn tại Hà lam.

Những tháng năm ở khu dõn, bà nội vẫn sống bằng nghề thuốc Nam. Ở vào tuổi tám mươi, có đôi lúc mọi người cứ ngỡ ngỡ rằng bà hơi lẫn trí. Sáng ngày rằm tháng bảy năm 1972, có mấy người lạ đến tìm bà để mua thuốc. Đến gần trưa cùng ngày, bà chống gậy khoác tay nải đi khỏi khu dõn. Bà nói rằng đi tìm cha con tôi. Tính bà vẫn thế, nói là làm, không ai có thể ngăn cản được.

Sau hôm ấy, không ai còn thấy bà nội đâu nữa. Mọi ngu õn tin chỉ là phỏng đoán: Nếu bà về quê, thì không bị bọn lính bắn, cũng đạp phải bom, mìn hoặc gặp thú dữ; nếu bà lang thang trong khu vực quận lý, thì vào ban đêm thế nào cũng bị bọn tềngụy tìm cách sát hại rồi vùi mất xác.

Suốt cả tháng trời, tôi đi tìm bà nội như một kẻ mộng du, rảo khắp các chùa chiền, đền miếu, với hy vọng có bàn tay nhân từ cứu vớt bà trong cơn hoạn nạn, nhưng không ai biết; về quê lùng sục khắp các ngõ hẻm hang cùng, mong sao tìm được một di tích nào đó của bà còn sót lại, để người ngoại bớt nỗi lòng, nhưng biệt tăm. Tất cả những cố gắng của tôi đều vô ích.

Tôi sống trong hoài vọng, cứ tin rằng bà nội vẫn còn ở đâu đó, chưa tìm thấy đường về

Một năm sau, họ hàng quyết định lập bàn thờ bà nội tại mảnh vườn cũ và lấy ngày Rằm tháng bảy hằng năm làm ngày giỗ, tưởng nhớ vong linh của bà.

Mười ba năm sau ngày giải phóng, quê hương tôi thay da đổi thịt, chưa giàu sang, nhưng cuộc sống có khá hơn; bà con làng xóm có cái ăn, cái mặc, tuy chưa ngon, chưa đẹp, nhưng cũng đủ no, đủ ấm; con cái có chỗ học hành. Làng quê trở lại những đêm trăng thanh bình như xưa.

Bỗng nhiên, có một ngu ần tin hoang đường lan truyền trong bọn trẻ con ở ngã ba Bình Trị, rồi lan ra cả xã, đồn đại đến huyện Thăng Bình: Chỗ cổng Bà Xanh (giáp giới giữa Bình Trị với Bình Định) có một bóng ma lẫn khuất. Những đêm trăng thanh vắng nó thường ng ồi chải tóc, mái tóc trắng như sương, dài phết gót; những đêm khuya mưa lạnh, hay vào gõ cửa cái quán ven đường mua rượu; Những hôm nào, vào lúc chạng vạng tối, mà nghe thoảng trong gió mơ hồ có tiếng ngâm Thoại Khanh Châu Tuấn là y rằng trong đêm ấy có giông.

Thời gian đó, tôi đang công tác tại huyện Thăng Bình, rất sửng sốt khi nghe được ngu ần tin này. Bóng ma ấy đích thực là hình bóng của bà nội. Linh tính mách bảo cho tôi rằng bà nội đang nằm đâu đó quanh khu vực ngã ba Bình Trị.

Tôi xin nghỉ phép mấy ngày để về quê, lân la khắp thôn Châu Lâm, quanh lối xóm khu vực cổng Bà Xanh dò la tin tức. Hỏi người già, các ông bà chau mày nghĩ ngợi. Hỏi người trẻ, họ bán tín bán nghi. Hỏi trẻ em, nhiều đứa quả quyết rằng có trông thấy bóng ma như thế. Chúng nó còn nói thêm rằng, mỗi tối đi xem phim hay coi hát ở ngã ba Bình Trị là tụ tập nhau thật đông, sau đó hò nhau chạy qua chỗ cổng cho khỏi sợ.

Cả nhà nháo nhác lo tìm bà nội. Mấy bà cô thì cứ thấp hương khấn vái sùt sùi. Tôi và mấy anh em họ hàng phát bụi bờ tìm kiếm. Nhưng ruộng đồng trải rộng, bờ nối tiếp bờ, thửa thấp thửa cao; gò bãi mấp mô um tùm cây cối. Qua mấy ngày sục sạo, không biết bà nằm ở đâu, mấy anh em lặng lẽ thở dài, đành đổ lỗi cho câu chuyện hoang đường và th ần tin vào sự linh thiêng của trời đất, sẽ tìm được bà về trong nay mai.

Riêng tôi, tôi vẫn nghi ngờ rằng đây không phải là câu chuyện hoang đường ma quái, mà là câu chuyện có thật của người trăn thế núp bóng hồn ma.

Hết mấy ngày phép, tôi trở lại cơ quan trong tâm trạng buồn chán. Nhìn trên bàn làm việc, tôi thấy có phong thư lạ, lá thư không đề tên người gửi, lại đóng dấu bưu điện ngay tại Thăng Bình. Tôi vội mở phong thư, một tờ giấy vở học trò gấp tư thẳng nếp, trên giấy vẽ một sơ đồ giản đơn biểu diễn một con đường bị cắt ngang bởi hai cái dấu móc vuông trái chiều nhau, trên góc tờ giấy có một hình mũi tên bốn chiều được chú bằng bốn chữ nho sắc sảo; cạnh cái móc vuông, có một cái ô hình chữ nhật tô đậm, cũng được ghi chú bằng một chữ nho to hơn.

Tuy không đọc được chữ nho, nhưng mới nhìn qua, tôi biết ngay cái sơ đồ nói lên đi đâu gì! Lập tức, tôi quay ngược về quê, đến chỗ cổng Bà Xanh thì trời sắp tối. Lòng tôi rung rung đứng nhìn cái doi bờ nằm sát mép nước. Trong những ngày đi tìm bà, nhiều lần tôi đã đi qua trên cái doi bờ ấy!

Ngay trong đêm hôm ấy, kế hoạch bốc mộ và cải táng bà nội được khẩn trương chuẩn bị, tuy gấp rút nhưng rất chu đáo. Ngôi nhà nhỏ trong vườn lại chong đèn suốt đêm đợi mặt trời.

Vừa tảng sáng, không khí làng quê tĩnh khiết và yên tĩnh. Bà con họ hàng làng xóm vây quanh cổng Bà Xanh, im lặng và hồi hộp đợi chờ. Chiếu theo sơ đồ, thì bà nội nằm sát giữa mép ruộng với mặt nước cổng, thoáng nhìn chỉ là doi bờ ngăn nước, hằng năm được tu bổ tường xuyên để chống xói lở.

Công việc khai mộ bắt đầu từng bước thận trọng. Cây lặng gió. Nước ngừng trôi. Từng lớp, từng lớp đất lần lượt được bóc lên. Sau khi hốt hết lớp đất cuối cùng, hiện ra tấm tảng xô nhà bình màu cỏ úa hằn dấu dáng một hình người nằm dưới. Lớp vải cuối cùng được lật ra cùng với những tiếng nấc nghẹn ngào sau bao năm dồn nén đồng loạt tuôn ra cùng nước mắt. Cô Hai, cô Bảy ngã lăn ra ruộng cùng với những tiếng thốt thang đứt quãng “Mẹ tôi!” , “Mẹ ơi!”

Hình hài bà nội như đang nằm ngủ, hai tay để lên bụng, đầu gối cao ngược mặt nhìn trời, hàm răng đen tuyền cùng với sợi tóc dài bạc trắng như cước thì không thể lẫn với ai được. Thi thể bà nội không phải bị vùi lấp qua loa, mà được chôn cất chu đáo, bọc ngoài bằng lớp tảng sô nhà binh, bên trong quấn lớp mùng tuyn của bà vẫn thường mang theo, đầu gối cái tay nải, bên cạnh là chiếc gậy mây và một chuỗi hạt cườm màu đen trên ngực. Nhiều người bảo rằng xác của bà nội được chôn sâu, bọc kỹ nên “kết” lại, sau đó gặp gió rải dần ra, hài cốt trắng như thế là có đi ầm ầm lạnh cho con cháu về sau.

Sau những ngày lo việc cải táng cho bà nội, lòng tôi lại bắt đầu bùng lên những câu hỏi như lửa đốt: Ai giết? Ai chôn? Ai nói và vì sao đến giờ mới nói, lại phải dấu tên?... Tôi thấp nển hương cúi lạy bà nội và xin hứa với bà con họ hàng sẽ làm sáng tỏ mọi điều.

Ở quê hương tôi, biết chữ nho còn lại chẳng được mấy người. Nhìn nét chữ đẹp như thư pháp trên tấm sơ đồ, kết hợp với những ngu ồn tin tưởng như ngẫu nhiên, tôi tin vào sự tiên đoán của mình là đúng. Một tuần sau, tôi tìm đến nhà ông giáo Phùng. Sự xuất hiện đột ngột của tôi không gây nên bất ngờ cho ông giáo. Qua thái độ, cử chỉ của ông, hình như ông cũng tiên lường được sự việc sẽ xảy đến như thế và có ý chờ sẵn. Ông giáo đã tám mươi, sức khỏe có yếu đi, nhưng còn lại đôi mắt tinh tường, tâm trí minh mẫn. Đoán biết được ý định của tôi, sau vài ba câu chuyện hỏi thăm gia quyến, ông bắt đầu kể:

- Đúng vào rằm tháng bảy năm ấy, khoảng nửa chiều, tôi đang cuộc cỏ sân ở cầu Đông Triệu, thấy trung đội lính bảo an lục tục kéo xuống. Người lính đi cuối cùng chạy lại bảo nhỏ với tôi: “Có một bà già chết ở chỗ cống giáp xã Bình Trị, bác lên chôn giúp kéo tội nghiệp bà!”. Đến nơi, tôi thấy có người nằm bên cống Bà Xanh, nửa trên phủ tấm tảng sô. Lật tấm tảng, tôi sững sờ nhận ra bà nhà ta. Bà nằm nghiêng trên vũng máu đã khô quánh, bên ngực trái ướt đầm máu, một phần áo bị xé rách nhăm nhở, chứng tỏ bà bị bắn từ phía sau nên viên đạn phá ra phía trước ngực; đồ đạc tư trang trên người còn nguyên vẹn. Lúc ấy trời sắp tối rồi, tôi cố làm được những gì có thể làm cho bà và tôi chôn bà ngay tại bờ cống cho dễ tìm về sau.

Tôi không đủ kiên nhẫn chờ đợi, nên đành hỏi cắt ngang:

- Vì sao đến tận ngày nay, bác mới mách bảo chuyện này?

Ông giáo bình tĩnh, chậm rãi vừa kể vừa như để phân trần:

- Nghĩ tới, nghĩ lui nát nước, tôi đành giữ kín chuyện này trong lòng bởi có nhiều lẽ lắm: Thân thế và gia cảnh của bà Đình, cả xã, cả huyện này nhiều người biết. Bà đã đem hết con cháu và gia sản hiến dâng cho Cách mạng, là cơ sở chỗ che nuôi dưỡng biết bao nhiêu cán bộ như Sáu Tây, Nguyễn Bửu, Ba Tuần... Có cả cỡ như ông Hoàng Minh Thắng chứ ít chi!. Chú Sáu Tây con bà, nói như mọi người lúc bấy giờ là loại “Việt Cộng có sừng”, lòng bắt mấy tên ác ôn như xuất quỷ nhập thần. Bà Đình tay không như thế, nhưng đụng đến bà là đứa nào cũng sợ. Bây giờ, bọn nó bắn bà chết, tôi chôn, nghĩa tử là nghĩa tận. Nhưng vào tình thế này, tôi đành im lặng để mà giữ mình, giữ tiếng cho bà.

Trần ngâm hời lâu, như để cân nhắc đi đầu gì, ông giáo nói tiếp:

- Sau ngày giải phóng, thấy con cháu tìm bà tứ tung, nhưng tôi cũng không thể chỉ được. Vì lúc ấy, mừng vui tràn ngập cho ngày hội ngộ; tình cảm kẻ mất người còn bùng lên với đau thương và căm giận; khí thế Cách mạng sục sôi. Chưa ai dám tin chính sách hòa hợp dân tộc của Cách mạng, cứ lo có thể xảy ra cảnh tắm máu vì oán thù giữa hai phe. Lúc ấy, chú Sáu Tây trở về với cương vị là một lãnh đạo cao cấp của huyện, của tỉnh. Nếu tôi nói ra sự thực về cái chết của bà, thì liệu lúc bấy giờ có ai tin, hay là quy chụp luôn cho tôi là thủ phạm, là đồng lõa, bởi con tôi hồi đó có đưa dính vào nghĩa quân, không khéo gia đình tôi hứng tai họa. Nghĩ thế, nên tôi đành chấp nhận có tội với bà! Hằng năm, tôi vẫn đắp bả thêm cái bờ ruộng chỗ bà đang nằm và vào Rằm tháng bảy, có một mâm cúng giữa đất trời, khấn vái vong hồn bà.

Sau một lúc ngẫm im lặng như để hồi tưởng, ông giáo nói tiếp với giọng gần như của một người đang xưng tội:

- Bây giờ, tôi đã ở vào cái tuổi gần đất xa trời, ngẫm lại cuộc đời có bao chuyện, sướng khổ, buồn vui; coi như sắp mãn một kiếp người, cần được

siêu thoát, nhưng thấy mình còn vương nợ trần ai; mỗi lần bước ra cửa lại thấy bà nằm đó khiến lòng không yên. Tôi muốn nói ra cho nhẹ bớt nỗi lòng, nhưng không biết nên nói như thế nào và nói với ai, đành phao tin có bóng ma như thế, rồi nặc danh gửi cái sơ đồ, để chú biết mà tìm bà về cho khỏi lạnh.

Ông giáo không kể nữa. Tôi cũng không hỏi gì thêm, mà mãi theo những ý nghĩ điệp trùng về bà nội. Nếu sự sống con người là trường tồn, thì bà nội năm nay đã một trăm linh chín tuổi. Cuộc đời bà hiện hữu giữa đời thường, với những việc làm rất thực, như mơ và có những đi đầu tưởng như huyền thoại: Chuyên cần tích góp để mà dâng hiến, hy sinh; dồn nén đau thương để nở bùng căm giận; đa mưu kỳ xảo để giữ lòng tận tụy thành tâm... Trong bà nội vô hình có một ranh giới cực kỳ mong manh giữa bao nhiêu nghịch lý: Tĩnh táo với say sưa, chuyện đời với truyện thuyết, loạn trí với tĩnh tâm, tiếng chửi rửa oán thù cay nghiệt với lời ru mệnh mang giữa đất trời...và có một đi đầu gì đó phi thường - Già cõi, đơn phương, trắng tay mà đầy uy lực trước kẻ thù.

Nếu tạo hóa đúng là có kiếp luân hồi, thì bà nội tôi chắc là đã thành tiên, thành phật. Nhưng đi đầu hiển hiện là cái còn lại cao hơn cái đã mất; sau nhiều năm tìm kiếm, chờ đợi mòn mỏi của cháu con; sau chuỗi thời gian trôi dạt, lạnh lùng thành oan hồn vô chủ, bà nội được qui về nghĩa trang gia tộc cùng tổ tiên trong sự mãn nguyện của bao người.

Nỗi niềm tiếc thương bà nội cũng được khuây dãn; trở thành niềm tự hào cho con cháu - Bà nội được Tổ quốc suy tôn thành Liệt sỹ và Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, đợt I.